

Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng VN ASEAN

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG
XÂY DỰNG THỊ TRẤN CHỢ CHU
HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2040

VN ASEAN

Thái Nguyên, 2023

**THUYẾT MINH NHIỆM VỤ
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG
XÂY DỰNG THỊ TRẤN CHỢ CHU
HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2040**

Địa điểm lập quy hoạch: Thị trấn Chợ Chu, xã Bảo Cường

Đơn vị tổ chức lập quy hoạch:
Phòng kinh tế hạ tầng huyện Định Hóa

Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ:
**Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng Vn Asean
Phó Giám đốc**

KS. PHẠM DƯƠNG GIỚI

MỤC LỤC

I. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH.....	5
1.1 Tổng quan về thị trấn Chợ Chu	5
1.2 Lý do, sự cần thiết phải lập điều chỉnh quy hoạch	6
1.3 Các căn cứ lập quy hoạch	7
1.3.1 Các văn bản pháp lý:	7
1.3.2 Các văn bản pháp lý của tỉnh, huyện:	9
1.3.3 Các quy chuẩn, tiêu chuẩn	10
1.3.4 Các nguồn tài liệu, số liệu, cơ sở bản đồ:	11
1.4 Vị trí, quy mô phạm vi, ranh giới và thời hạn lập quy hoạch.....	11
1.4.1 Vị trí	11
1.4.2 Quy mô phạm vi	11
1.4.3 Ranh giới	12
1.4.4 Thời hạn quy hoạch	13
II. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG CỦA ĐÔ THỊ.....	14
2.1 Khái quát sơ bộ về điều kiện tự nhiên	14
2.1.1 Địa hình	14
2.1.2 Khí hậu	14
2.1.4 Thổ nhưỡng:	15
2.2 Hiện trạng đô thị.....	16
2.2.1 Hiện trạng kinh tế - xã hội	16
2.2.2 Hiện trạng dân số, lao động	21
2.2.3 Hiện trạng sử dụng đất.	22
2.2.4 Hiện trạng cơ sở hạ tầng.....	25
2.2.5. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.....	32
2.2.6 Bảng tổng hợp đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV	43
2.2. Khái quát những vấn đề tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển đô thị. Nêu các phương hướng phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và kế hoạch phát triển đô thị theo các chương trình phát triển đô thị. Phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh và các dự án đang triển khai có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung đô thị.	51
2.2.1 Những vấn đề còn tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển đô thị.....	51
2.2.2 Các phương hướng phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và kế hoạch phát triển đô thị theo các chương trình phát triển đô thị.	52
a. Các phương hướng phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng	52
b. Kế hoạch phát triển đô thị theo các chương trình phát triển đô thị.	52
2.2.3 Phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh và các dự án đang triển khai có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung đô thị.....	52
III. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.....	56
3.1 Tính chất.....	56
3.2 Động lực phát triển.....	56
3.2.1 <i>Tiềm năng phát triển du lịch</i>	56
3.2.2 <i>Tiềm năng phát triển nông nghiệp và nông thôn</i>	56
3.2.3 <i>Tiềm năng phát triển giáo dục chuyên nghiệp</i>	56
3.2 Vai trò của thị trấn Chợ Chu đối với vùng và tỉnh.....	56
3.3 Quan điểm quy hoạch.....	57
3.4 Mục tiêu quy hoạch:	58
3.5 Xác định sơ bộ những vấn đề chính cần giải quyết trong quy hoạch.....	58
3.5.1 <i>Định hướng phát triển không gian</i>	58
3.5.2 <i>Quy hoạch sử dụng đất.</i>	59
3.5.3 <i>Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật</i>	59

IV. DỰ BÁO SƠ BỘ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, DÂN SỐ, LAO ĐỘNG, NGHỀ NGHIỆP, ĐẤT ĐAI PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....	60
4.1 Dự báo sơ bộ về phát triển kinh tế - xã hội	60
4.2 Quy mô dân số, lao động.....	60
4.2.1 Dân số.	60
4.2.2 Lao động.	60
4.3 Đất phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn và hạ tầng kỹ thuật	61
4.3.1 Đất phát triển đô thị	61
4.3.2 Đất phát triển du lịch, khu dân cư nông thôn	61
4.3.3 Nhu cầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật	61
V. YÊU CẦU KHI TRIỂN KHAI LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH	62
5.1. Yêu cầu đối với việc thu thập tài liệu	62
5.2 Yêu cầu về nội dung chính của quy hoạch chung đô thị.	63
5.2.1 Về điều kiện tự nhiên và hiện trạng đô thị.	63
a. Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng.....	63
b. Về dân cư, văn hóa, kinh tế - xã hội:	63
c. Hiện trạng về sử dụng đất, hạ tầng và kiến trúc cảnh quan:	64
d. Các dự án, chương trình đang triển khai:	64
e. Đánh giá tổng quan đô thị:.....	64
5.2.2. Các yêu cầu về tổ chức không gian	65
5.2.2 Các chỉ tiêu cơ bản áp dụng dự kiến.....	69
VI. HỒ SƠ SẢN PHẨM	70
6.1 Phần hồ sơ bản vẽ.....	70
6.2 Phần văn bản.....	72
6.3. Số lượng, quy cách của sản phẩm hồ sơ đồ án:	72
6.4. Dự toán kinh phí lập quy hoạch.....	73
6.4.1 . <i>Cơ sở tính toán</i>	73
6.4.2 <i>Chi phí lập điều chỉnh quy hoạch</i>	73
6.4.3 <i>Nguồn vốn</i>	73
6.5. Kế hoạch và tiến độ tổ chức lập quy hoạch:	73
6.5.1. <i>Thời gian thực hiện đồ án:</i>	73
6.5.2. <i>Cấp xét duyệt và cơ quan thực hiện:</i>	74
6.6 <i>Các yêu cầu về nội dung, hình thức và đối tượng lấy ý kiến về đồ án quy hoạch.</i>	74

I. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH

1.1 Tổng quan về thị trấn Chợ Chu

Thị trấn Chợ Chu được hình thành từ cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 (gồm một phố và ba xóm). Năm 1993, Chợ Chu quy hoạch là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Định Hóa, phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 24/12/1993 của UBND tỉnh Bắc Thái. Đến năm 2011, đã điều chỉnh quy hoạch chung đến năm 2025, phê duyệt tại Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Năm 2013, thị trấn Chợ Chu được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V tại Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 15/05/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên

Thị trấn Chợ Chu là thị trấn huyện lỵ của huyện Định Hóa nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên khoảng 50 km về phía Tây Bắc. Thị trấn là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của huyện, có diện tích tự nhiên là 443,8 ha, thị trấn chia thành 12 tổ dân phố, 1947 hộ với 08 dân tộc anh em cùng chung sống. Thị trấn nằm ở vị trí trung tâm của huyện, có đường HCM, Quốc lộ 3C chạy qua, nối thị trấn với các xã của huyện Định Hóa, ngoài ra còn có hệ thống các tuyến đường giao thông trong đô thị.

Hiện nay, thị trấn Chợ Chu được chia thành 12 tổ dân phố bao gồm: Bãi Á 1, Tân Á, Hợp Thành, Hồ Sen, Phúc Xuân, Trung Việt, phố Núi, Châu Thành, Tân Lập, Trung Tâm, Trung Kiên, Chợ Chu. Với những lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng giao thông, đã dần xác định vị trí và vai trò của thị trấn Chợ Chu trong sự phát triển chung của huyện Định Hóa và tỉnh Thái Nguyên, tuy nhiên, so sánh với tiêu chí của đô thị loại IV theo quy định, vẫn còn một số tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

Trong những năm gần đây cùng với sự phát triển chung của Huyện Định Hoá, thị trấn Chợ Chu đã và đang có nhiều thay đổi tích cực về kinh tế, văn hoá, xã hội. Các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đã từng bước đầu tư xây dựng khang trang và đồng bộ hơn. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện có nhiều khu chức năng theo quy hoạch chung đã được duyệt không còn phù hợp về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật hiện tại và định hướng trong tương lai.

Bên cạnh đó ngày 17/3/2016 Thủ Tướng Chính phủ đã ký quyết định số 419/QĐ_TTg về việc phê duyệt đề án quy hoạch Xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên – Tuyên Quang – Bắc Kạn đến năm 2030. Quyết định số 222/QĐ-Ttg ngày 14/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó định rõ thị trấn Chợ Chu huyện Định Hoá đến năm 2030 là đô thị loại IV và tính chất là đô thị Du lịch.

1.2 Lý do, sự cần thiết phải lập điều chỉnh quy hoạch

Thị trấn Chợ Chu là thị trấn huyện lỵ của huyện Định Hóa. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, dịch vụ của huyện Định Hóa; là cửa ngõ quan trọng của huyện giao lưu với TP Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang.

Theo rà soát, thị trấn Chợ Chu hiện đạt 3/5 tiêu chí của đô thị loại IV, các tiêu chí chưa đạt là: Quy mô dân số; trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị. Nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng thị trấn trở thành đô thị loại IV, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban chấp hành Đảng bộ thị trấn Chợ Chu đã ban hành Chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện, tập trung lãnh đạo thực hiện các định hướng lớn, trong đó chú trọng phối hợp đón nhận đầu tư xây dựng các công trình, dự án trọng điểm của huyện.

Đối với tiêu chí quy mô dân số, thị trấn đang phối hợp triển khai công tác quy hoạch, điều chỉnh địa giới hành chính đảm bảo quy định trên cơ sở sáp nhập thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường. Về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị, 5/6 công trình trọng điểm của huyện được triển khai trên địa bàn thị trấn Chợ Chu, gồm: Công viên cây xanh kết hợp đô thị hai bên bờ sông Chu; Chính trang đô thị, xây dựng tuyến phố văn minh; Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện; Hệ thống thoát nước chống ngập úng khu vực trung tâm huyện; cầu vượt sông Chu sẽ góp phần hoàn thiện tiêu chí này.

Để đáp ứng vai trò vị thế mới của Thị xã Chợ Chu đối với vùng tỉnh Thái Nguyên: Trong các định hướng, Quy hoạch cấp tỉnh như Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, các Quy hoạch quốc gia, Nghị quyết 06 của Bộ chính trị, nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Định Hóa lần thứ XXIV được xác định vai trò mới trong hệ thống đô thị của tỉnh do đó lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chu để đáp ứng yêu cầu trên nhằm:

Lập điều chỉnh quy hoạch chung vừa cụ thể hoá Quy hoạch vùng chiến khu cách mạng ATK, Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch ngành...đồng thời, làm cơ sở để triển khai các chương trình, dự án, tạo động lực đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa nhằm xây dựng Thị xã Chợ Chu đến năm 2025 đạt tiêu chí đô thị loại IV.

Khắc phục một số tồn tại, bất cập trong quá trình phát triển đô thị và nông thôn trong khu vực quy hoạch;

Phát huy tính đặc thù về các yếu tố cảnh quan tự nhiên và bản sắc đặc trưng của khu vực;

Việc phát triển mở rộng không gian ra toàn ranh giới thị trấn và xã Bảo Cường so với Quy hoạch được duyệt năm 2018 sẽ phát huy được các yếu tố đặc trưng về văn hoá, bản sắc tự nhiên của khu vực, gắn kết hệ cảnh quan mặt nước – sông Chu – núi Nản, mang lại lợi ích chung cho thị trấn và xã Bảo Cường cũng như toàn huyện Định Hóa.

Việc lập “điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chu” là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết, để phát huy lợi thế và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực, thành lập đô thị mới giai đoạn 2021 – 2025 và nâng lên đô thị loại IV giai đoạn đến năm 2025, từng bước nâng cấp thành đô thị tạo động lực phát triển khu vực phía Tây huyện Định Hóa.

Với những lý do trên, việc điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu là hết sức cần thiết.

1.3 Các căn cứ lập quy hoạch

1.3.1 Các văn bản pháp lý:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật số 47/2019/Qh14 ngày 22/11/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 ;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 và 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi một số điều của nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ về về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/ NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/ NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/ NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 về quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; số 260/QĐ-TTg ngày 27/12/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 về phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 536/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2031-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Các Nghị định của Chính phủ: Số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 5203/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cầu- sông Thương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng Trung du và Miền núi Bắc bộ;

Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-Ttg ngày 14/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

1.3.2 Các văn bản pháp lý của tỉnh, huyện:

Quyết định số 4110/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2035; Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10/06/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035;

Các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: Số 1563/QĐ-UBND ngày 08/8/2007 về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng năm tỉnh Thái Nguyên năm 2006; số 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 và đến năm 2020; số 2500/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 01/3/2012 về việc Phê duyệt Rà soát, bổ sung Quy hoạch thủy lợi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010-2020; số 2687/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 và số 1232/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh về việc phân giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 1360/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 10/06/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển

giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên giai đoạn sau năm 2020 đến khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt;

Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025.

Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030;

Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 28/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Định Hóa lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Đề án số 4415/ĐA-UBND ngày 09/12/2021 của UBND huyện Định Hóa về việc Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Văn bản số 4415/ĐA-UBND ngày 09/12/2021 của UBND huyện Định Hóa về việc Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Văn bản số 133/BC-UBND của UBND huyện Định Hóa ngày 05/5/2021 V/v đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020; định hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Định Hóa phục vụ công tác quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Quyết định số 6532/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Định Hóa về việc Phê duyệt Đề án xây dựng thị trấn Chợ Chu đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025

Và các văn bản pháp luật có liên quan.

1.3.3 Các quy chuẩn, tiêu chuẩn

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2021/BXD;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật”, mã số QCVN 07:2016/BXD, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng;
- QCVN 02:2009/BYT: Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và văn bản pháp quy khác có liên quan khác được phép áp dụng theo quy định hiện hành.

1.3.4 Các nguồn tài liệu, số liệu, cơ sở bản đồ:

- Các tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội do địa phương và các cơ quan liên quan cung cấp.

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ địa chính thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường;

- Các quy hoạch đã và đang được lập trên địa bàn thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường;

- Các tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội do địa phương và các cơ quan liên quan cung cấp.

1.4 Vị trí, quy mô phạm vi, ranh giới và thời hạn lập quy hoạch

1.4.1 Vị trí

Thị trấn Chợ Chu thuộc huyện Định Hóa, là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của huyện Định Hóa, là đô thị giao thoa kết nối với các tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Bắc Kạn qua đường mòn HCM và kết nối với huyện Chợ Đồn và huyện Ba Bể tỉnh Bắc Kạn qua quốc lộ 3C.

Thị trấn Chợ Chu là thị trấn huyện lỵ của huyện Định Hóa có diện tích tự nhiên là 4,438 km².

Bảo Cường là xã miền núi nằm cách trung tâm huyện Định Hóa 01 km về phía nam có tổng diện tích tự nhiên là 9,554 km².

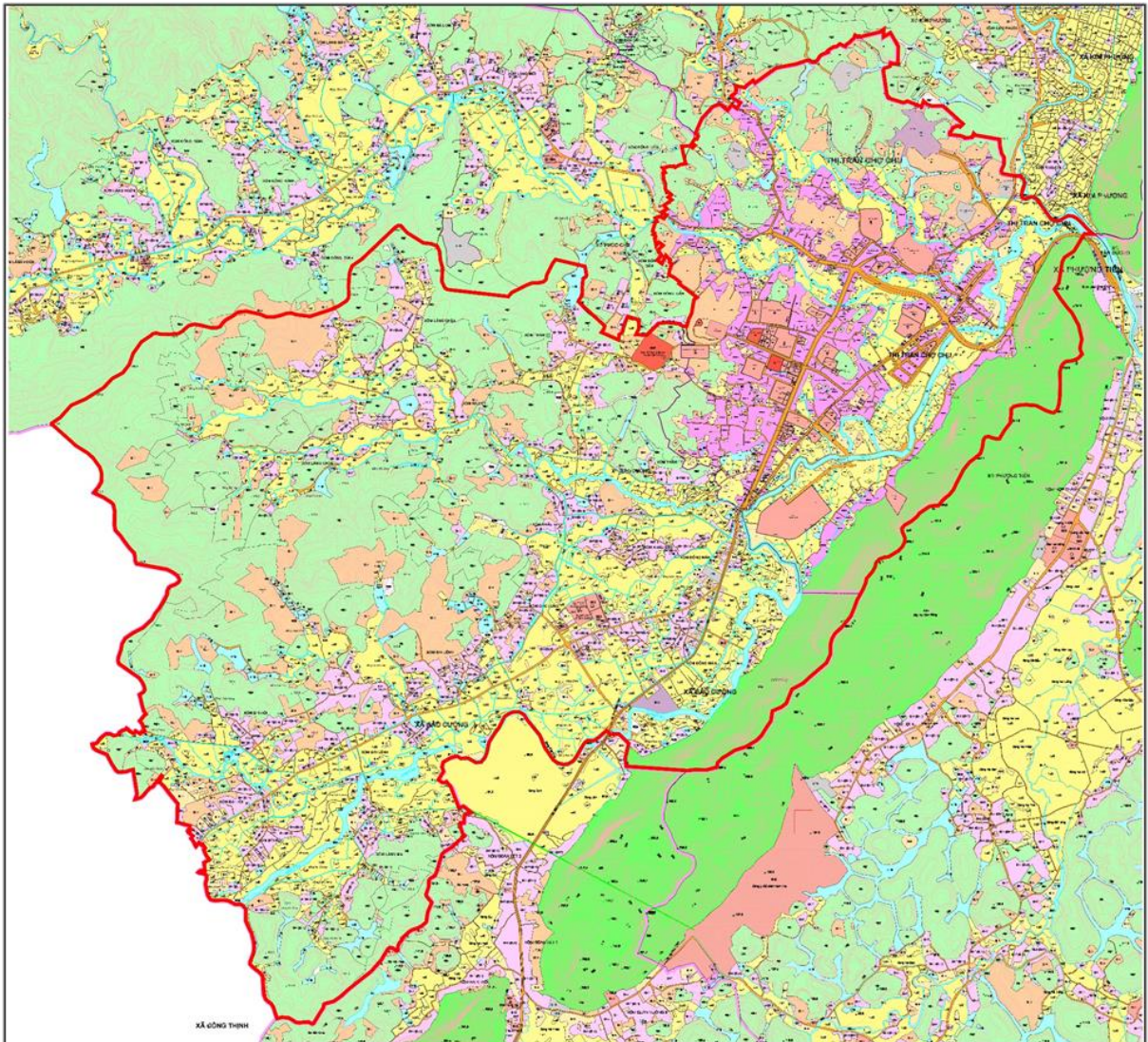
1.4.2 Quy mô phạm vi

- Khu vực nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung bao gồm thị trấn Chợ Chu và phần mở rộng toàn bộ xã Bảo Cường. Thị trấn Chợ Chu có diện tích tự nhiên là 4,438 km². Bảo Cường có diện tích tự nhiên là 9,554 km².

- Tổng diện tích sau điều chỉnh là: **13.992**km².

Thị trấn Chợ Chu: gồm 12 tổ dân phố là Bãi Á 1, Tân Á, Hợp Thành, Hồ Sen, Phúc Xuân, Trung Việt, phố Núi, Châu Thành, Tân Lập, Trung Tâm, Trung Kiên, Chợ Chu.

Xã Bảo Cường: gồm có 08 xóm là Bãi Hội, Bãi Lành Cẩm Xưởng, Cốc Lùng, Đồng Mản, Khấu Bảo, Làng Chùa, Làng Mạ, Thâm Tý (thuộc xã Bảo Cường);



Hình 1-1: Ranh giới thị trấn Chợ Chu dự kiến mở rộng

1.4.3 Ranh giới

- + Phía Bắc giáp xã Kim Phượng.
- + Phía Nam giáp xã Đông Thịnh.
- + Phía Đông giáp xã Phượng Tiến, xã Tân Dương, xã Trung Hội.
- + Phía Tây giáp xã Phúc Chu.

1.4.4 Thời hạn quy hoạch

- Theo quy định tại điều 27 Luật Quy hoạch đô thị, thời hạn Quy hoạch đối với quy hoạch chung thị trấn từ 10 đến 15 năm.
- Thời hạn lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chu được xác định đến năm 2040.
- Thời hạn quy hoạch xây dựng đợt đầu là đến năm 2035

II. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG CỦA ĐÔ THỊ

2.1 Khái quát sơ bộ về điều kiện tự nhiên

2.1.1 Địa hình

Địa hình của thị trấn Chợ Chu xung quanh là đồi núi. Trung tâm của thị trấn nằm trên trục đường Quốc lộ 3C, có các điểm nút giao thông đi các ngã, là vùng đất tương đối bằng phẳng.

Bảo Cường nằm trong thung lũng chợ Chu, địa hình phía Tây và Tây Bắc có địa hình đồi núi thấp, độ dốc không lớn và xen kẽ là những cánh đồng tương đối bằng phẳng, địa hình phía Đông và Đông Nam là những cánh đồng bằng phẳng, đất đai tương đối tốt, cùng với mạng lưới sông Chu chảy từ Tây sang Đông thuận tiện cho việc tưới tiêu và phát triển thâm canh cây lúa.

2.1.2 Khí hậu

Thị trấn Chợ Chu, xã Bảo Cường nói riêng và huyện Định Hóa nói chung nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu miền núi Bắc Bộ, có hai mùa: Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau; mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10.

- *Về chế độ nhiệt:* Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22,5°C, tổng tích ôn 8.000°C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối là 39,5°C (tháng 6), nhiệt độ tối thấp là 3°C (tháng 1), biên độ ngày đêm khá lớn (> 7°C). Tháng 7 là tháng nóng nhất với nhiệt độ trung bình tháng là 28,7°C, tháng 1 là tháng lạnh nhất với nhiệt độ trung bình là 14,9°C. Số giờ nắng trong năm là 1.628 giờ, năng lượng bức xạ đạt 115 Kcal/cm².

- *Chế độ mưa, ẩm:* Mưa phân bố không đều, mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 9 (chiếm 90% lượng mưa cả năm). Lượng mưa trung bình đạt 1.710 mm/năm, tháng 7 lượng mưa lớn nhất đạt 4.200 mm.

Lượng bốc hơi trung bình trong năm đạt 985,5 mm, tháng 5 có lượng bốc hơi lớn nhất (100 mm), có 3 tháng trong mùa khô, chỉ số ẩm ướt $k < 0,5$. Đây là thời kỳ khô gay gắt, nếu không có biện pháp tưới, giữ ẩm... thì ảnh hưởng rất lớn đến năng suất cây trồng.

Với đặc điểm thời tiết của huyện như trên, trong quy hoạch sử dụng đất của huyện, cần lợi dụng chế độ nhiệt cao, độ ẩm khá để bố trí nhiều vụ và hệ thống cây trồng trong năm - nhằm hạn chế rửa trôi, xói mòn trong mùa mưa. Chú ý các hạng mục công trình kiên cố cần tránh các khu vực thường xảy ra ngập lụt, sạt lở.

- *Chế độ gió:* Nằm trong vùng chế độ gió mùa, có hai hướng gió chủ đạo thay đổi theo mùa. Mùa hè chủ yếu có gió thành phần Đông, mùa đông chủ yếu có gió thành phần Bắc. Tốc độ gió trung bình từ 1,5 – 2 m/s. Trong các tháng mưa, thường có gió mạnh, gió giạt làm ảnh hưởng tới cây trồng.

2.1.3. Thủy văn

Sông Chợ Chu: Bắt nguồn từ Khuổi Chao (Bảo Linh) (105031'10" - 21052'30") ở độ cao 400m, diện tích lưu vực 426km² (23,5km² là diện tích núi đá vôi), chiều dài sông 45km, nhập lưu ở phía bờ hữu sông Cầu tại Chợ Mới (Bắc Kạn). Hầu hết diện tích lưu vực sông nằm trên đất của huyện Định Hóa. Độ cao bình quân lưu vực 206m, độ dốc bình quân lưu vực 24,6‰, mật độ lưới sông 1,19 và hệ số uốn khúc 1,40. Sông Chợ Chu có 7 phụ lưu có chiều dài lớn hơn 10km. Lượng mưa bình quân trên lưu vực khoảng 1.700mm/năm.

Khu vực thị trấn Chợ Chu là khu vực miền núi cao so với mực nước biển. Tuy nhiên thị trấn nằm trong khu vực lòng chảo xung quanh có núi đá, núi đất bao bọc đồng thời có suối Chợ Chu bao quanh nên mưa thượng nguồn dẫn đến có lũ lớn, do đó có thể gây ngập cục bộ cho một số khu vực tổ dân phố trung tâm; Phố Núi; Trung Kiên; Tân Lập; Chợ Chu) thuộc thị trấn khi có mưa lớn.

2.1.4 Thổ nhưỡng:

Theo kết quả điều tra và tổng hợp trên bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/100.000 của tỉnh Thái Nguyên; trên cơ sở đánh giá đất theo FAO-UNESCO thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá có 03 loại đất chính như sau:

- Đất phù sa không được bồi (P): Phân bố chủ yếu ven các sông, địa hình bằng phẳng (> 30C), tầng đất dày (> 1m) tập trung ở các xã: Kim Phụng, Tân Dương, Thị trấn Chợ Chu, Đồng Thịnh, Bảo Cường. Loại đất này đang được trồng lúa là chủ yếu, ngoài ra còn trồng các loại rau màu như ngô, lạc, mía.

- Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D): Đất này chủ yếu dọc theo các khe suối và các thung lũng đá vôi, địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc thường < 8o, tầng đất dày > 1m. Loại đất này được hình thành do sự tích tụ của các sản phẩm từ trên địa hình cao rửa trôi đưa xuống, do vậy đất có độ phì tương đối khá, mùn và đạm tổng số từ khá đến giàu, lân tổng số và lân dễ tiêu trung bình, kali tổng số giàu, đất có phản ứng chua (PHKCl: 4,6 - 5,0). Hiện nay, phần lớn diện tích đã được khai thác sử dụng trồng cây công nghiệp (lạc, ngô, đậu tương, mía...), đất này tích hợp với cây ăn quả đặc sản (cây mót mật). Đất này phân bố ở hầu hết các xã trong huyện bao gồm cả thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường.

- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa): Loại đất này phân bố chủ yếu ở độ dốc 15o – 25o, tầng đất khá < 1m, đất có cấu trúc tơi xốp, thoát nước tốt, thành phần cơ giới thịt nặng đến sét, hàm lượng mùn đạm tổng số khá, đất chua (PHKCl: 4,5 - 5,0). Phân bố tập trung ở xã Linh Thông, Quy Kỳ, Kim Sơn, Kim Phụng, Phúc Chu, thị trấn Chợ Chu (Phân bố tập trung chủ yếu ở tổ dân phố Phúc Xuân; Trung Việt; Tân Á), Bảo Cường, Thanh Định, Đồng Thịnh, Phú Tiến, Trung Hội, Sơn Phú, Trung Lương, Bình Yên, Diềm Mặc, Phú Đình. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây như chè, ngô, sắn, vầu, cọ ...

2.2 Hiện trạng đô thị

2.2.1 Hiện trạng kinh tế - xã hội

Tốc độ tăng trưởng kinh tế thị trấn Chợ Chu liên tục đạt mức cao, đạt bình quân dự tính là 12,85%/năm trong đó năm 2017 là 12,81%, năm 2018 là 12,86%, năm 2019 là 12,89%. Các năm 2020, 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid, tuy nhiên cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực, có sự chuyển dịch phù hợp với xu thế chung của toàn huyện Định Hóa, tăng tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ; công nghiệp xây dựng, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Các chỉ tiêu chủ yếu tiếp tục duy trì phát triển, một số lĩnh vực đạt và vượt so với cùng kỳ năm 2021:

+ Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 3.583.693.127 đồng đạt 104,62 % kế hoạch.

+ Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 8.789.113.998 /8.042.200.000 đồng đạt 109,29% so với kế hoạch, điều tiết về địa phương được hưởng 6.291.525.325 đồng.

+ Thu trong cân đối đạt 3.583.693.127 /3.425.500.000 đồng, đạt 104,62% so với kế hoạch (được điều tiết về Ngân sách địa phương được hưởng là 1.086.104.454 đồng).

+ Tổng chi ngân sách: 5.311.032.822 đồng, trong đó chi trong cân đối thực hiện 4.450.262.247/5.073.000.000 đồng đạt 88% kế hoạch

+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 460/460 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN, xây dựng đạt 170/170 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch.

+ Với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, đời sống nhân dân trên địa bàn được cải thiện; thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 45 triệu/người/năm bằng 0,81 lần thu nhập bình quân đầu người cả nước; Hiện nay thị trấn Chợ Chu tỷ lệ hộ nghèo còn 4,26% (83/1947 hộ); tỷ lệ hộ cận nghèo còn 3,70% (72/1947 hộ).

- Bảo Cường là xã trong đó trên 70 % cơ cấu lao động là sản xuất Nông, lâm nghiệp, thu nhập được đóng góp phần lớn là sản phẩm từ cây lúa, cây rau màu, cây lâm nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm

+ Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện:10.284.514.180/7.427.218.726 đạt 138,47 % so với KH giao.

+Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện: 8.694.862.833/6.962.218.726, đạt 124.9% so với kế hoạch

+ Tính đến ngày 31/12/2021 thu nhập bình quân đầu người xã Bảo Cường đạt 43,2 trđ/người. bằng 0,78 lần thu nhập bình quân đầu người cả nước

+ Hộ nghèo xã Bảo Cường giai đoạn 2021-2025 tính đến tháng 12/2021 còn 40 hộ, chiếm tỷ lệ 3,56%; Hộ cận nghèo còn 41 hộ chiếm 3,56%. năm 2022 trên địa bàn xã có 38 hộ nghèo, tỷ lệ 3,35%, giảm 02 hộ và 0,21% so với năm 2021.

*** Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)**

- Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường năm 2022 đạt khoảng 19.073.628.178 đồng. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn khoảng 14.005.895.655 đồng. Cân đối thu chi ngân sách thị trấn Chợ Chu đạt so với yêu cầu (chỉ tiêu đối với đô thị loại IV yêu cầu dư); **đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm**

- Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước. Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 0,7-1,05. (chỉ tiêu bằng 70% so với tiêu chuẩn) **đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm**

- Tăng tỷ trọng Công nghiệp - Xây dựng và Dịch vụ (tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV tăng theo với mục tiêu đề ra) ; **đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm**

- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất giai đoạn 2020-2022 đạt 12,8% (chỉ tiêu đối với đô thị loại IV từ 7,0 \geq 8,0%) ; **đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm**

- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2022 trên địa bàn thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường đạt 4,0% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ \leq 4,0%); **đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.**

a) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Ngành tiểu thủ công nghiệp của thị trấn Chợ Chu đang phát triển mạnh, chủ yếu tập trung vào sản xuất các mặt hàng dân dụng như gò, hàn, mộc, chế biến gỗ... trong kinh doanh chủ yếu tập trung vào kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp, sản phẩm từ nông nghiệp, lâm nghiệp, vật liệu điện, máy nông nghiệp, quần áo, dây dép, tư trang, vàng bạc và đá quý...

Trong năm 2022, trên địa xã Bảo Cường có trên 190 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dịch vụ và Thương mại. Các cơ sở sản xuất kinh doanh chủ yếu các mặt hàng như gạch ngói, tấm lợp, các loại cổng, khung nhôm, cửa kính, đồ mộc và may mặc, sản xuất đậu phụ, mỳ gạo, chè ... các dịch vụ như sửa chữa, bán xe máy, cung ứng dịch vụ về nông nghiệp, vật liệu xây dựng và các mặt hàng tạp hóa

b) Lĩnh vực thương mại - dịch vụ - du lịch

Thị trấn Chợ Chu là trung tâm thương mại của huyện Định Hóa, nên ngành dịch vụ thương mại phát triển khá mạnh, tập trung chủ yếu ở chợ, các ki ốt trong chợ và dọc các trục đường, các điểm nút của giao thông trên địa bàn thị trấn, đều

được khai thác sử dụng, với nhiều chủng loại hàng hóa đa dạng và phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho người mua và người bán. Trong kinh doanh dịch vụ, chủ yếu là dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, dịch vụ sửa chữa ô tô, xe máy, phục vụ đám cưới, dịch vụ ăn uống, giải khát, giải trí, may mặc cầm đồ, nhà nghỉ, nhà hàng, điện tử, karaoke, tặng theo hàng năm, các loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng, chất lượng ngày càng cao hơn.



Hình: 2-1: Trung tâm thương mại, dịch vụ thị trấn Chợ Chu

Trên địa bàn xã Bảo Cường có 186 hộ gia đình kinh doanh, buôn bán tập trung dọc trục đường quốc lộ 3C và trục đường liên xã Bảo Cường- Đồng Thịnh.



Hình: 2-2: Hoạt động thương mại, dịch vụ xã Bảo Cường

c) Nông, lâm nghiệp, thủy sản

Trong những năm gần đây thị trấn Chợ Chu đã giảm quy mô về chăn nuôi chăn nuôi chủ yếu là chăn nuôi nhỏ lẻ quy mô hộ; việc phát triển chăn nuôi chưa gắn với quản lý, xây dựng hệ thống cơ sở giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; tiếp tục hình thành một số mô hình chuỗi sản xuất, giết mổ, tiêu thụ sản

phẩm. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2017 - 2020 từ 3,5%/năm trở lên. Đến năm 2020, quy mô chăn nuôi trang trại tập trung chiếm 50% tổng đàn; chăn nuôi lợn, gà an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm chiếm 70% tổng đàn; phân đầu 100% các sản phẩm động vật tại các chợ được kiểm soát giết mổ.

+ Phát triển sản xuất thủy sản tại các hồ chứa thủy lợi (đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường); khuyến khích, đầu tư tăng diện tích nuôi thâm canh đối với ao gia đình bằng các loại giống cá có năng suất và giá trị kinh tế cao; đẩy mạnh phát triển các vùng nuôi, trồng thủy sản thâm canh tập trung đối với doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác.

+ Tập trung chỉ đạo các tổ dân phố, phối hợp cùng các ngành tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân chuẩn bị tốt về giống, phân bón, nước tưới; bảo đảm các điều kiện cho nhân dân cấy hết diện tích, kịp thời vụ đạt 100% diện tích theo kế hoạch đề ra. Cung ứng giống lúa lai được 12 ha, trên 100 ha giống lúa thuần có chất lượng cao. Nhân dân tích cực đầu tư, chăm sóc diện tích lúa và cây màu, thường xuyên thăm đồng kịp thời phát hiện sâu bệnh hại để tuyên truyền nhân dân triển khai phòng trừ. Kết quả:

+ Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 540,60/535 tấn đạt 101,05% kế hoạch.

+ Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt đạt 95 triệu đồng.

+ Tổng diện tích ước lúa đạt 82/82 ha, năng suất đạt 54 tạ/ha, sản lượng đạt 443,8/443 tấn đạt 100% kế hoạch; diện tích ngô ước đạt 22/21 ha, năng suất đạt 44 tạ/ha, sản lượng đạt 96,8/92 tấn đạt 105,28% kế hoạch. Diện tích rau các loại 60/50ha = 120% kế hoạch, sản lượng đạt 850 tấn

- Cây lương thực có hạt: UBND xã Bảo Cường tập trung chỉ đạo các xóm thực hiện tốt phương án sản xuất nông nghiệp, gieo cấy hết diện tích, chuẩn bị tốt về thủy lợi, giống lúa, ngô, rau màu và các vật tư phục vụ cho sản xuất. Tổng sản lượng lương thực có hạt là: 2.570,4tấn/2.509 tấn đạt 102 % kế hoạch. Trong đó:

+ Cây lúa: Tổng diện tích gieo cấy cả năm là 441/441ha đạt 100% kế hoạch, năng suất bình quân 55,4 tạ/ha, sản lượng lúa đạt 2.445 tấn/2.386tấn đạt 102% kế hoạch.

+ Cây ngô: Diện tích gieo trồng ngô vụ đông xuân 20,5 ha; vụ đông 10 ha; vụ xuân 10,5 ha. Tổng sản lượng ngô năm 2022 là 125,4tấn/123,2 tấn đạt 102 % kế hoạch.

+ Cây chè: Khuyến khích người dân chuyển đổi giống chè trung du sang trồng các giống chè lai như LDP1,TR777, Kim Tuyên, Phúc Vân Tiên, Thúy Ngọc..., chủ động đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật như hệ thống tưới chè, phân bón, máy móc chế biến chè... vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất

lượng chè từ đó nâng cao giá trị kinh tế cho cây chè trên địa bàn. Duy trì diện tích chè kinh doanh 30 ha; năng suất chè đạt trung bình đạt 114 tạ/ha, sản lượng chè búp tươi đạt 342/400 tấn đạt 86% kế hoạch;

+ Cây rau màu: Diện tích khoai lang 6 ha/10 ha đạt 60% kế hoạch, sắn 5/5 ha đạt 100% kế hoạch, lạc 4,2/4 ha đạt 105% kế hoạch, đậu đỗ khác 3,5/3 ha đạt 117% kế hoạch, rau xanh 45/45 ha đạt 100 % kế hoạch.

* Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn 15 ha, sản lượng cá ước đạt 29,5/28 tấn đạt 105 % kế hoạch.

*** Chăn nuôi thú y:**

Thị trấn Chợ Chu: Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống, công tác vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, chống đói rét cho đàn vật nuôi; tổ chức tiêm vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn. Tổ chức cho các hộ gia đình đăng ký tiêm phòng gia súc gia cầm đợt 1 năm 2022; ký cam kết nuôi thả chó đúng quy định. Tiến hành phun tiêu độc khử trùng được 60.000 m² (24 lít hóa chất). Tổng đàn gia súc, gia cầm hiện có: Đàn gia cầm 20.000 con; lợn 1.200 con; trâu 20 con; bò 30 con (tiêm phòng được 45 liều); tiêm phòng bệnh dại cho đàn chó được 616 con/720 con (đạt 85,55%); tiêm phòng bệnh tụ máu dịch tả cho đàn lợn được 200 con, tụ huyết trùng được 205 con.

Xã Bảo Cường: Tổng đàn gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã năm 2022 là: Tổng đàn trâu 129/140 con đạt 92,1% KH, đàn bò 27/60 con đạt 45% KH, đàn lợn 953/1450 con đạt 65,7% KH, đàn gia cầm: 25.870/35.000 con đạt 73,9% KH, đàn dê hiện có 87 con. Công tác phòng chống dịch bệnh: Triển khai phun tiêu độc khử trùng, tiêm phòng vacxin cho đàn vật nuôi toàn diện 02 đợt trên 8 xóm, với 125 liều tụ huyết trùng trâu bò, 100 liều dại chó.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng:

Thị trấn Chợ Chu: Được các cấp quan tâm chỉ đạo và phối hợp thực hiện tốt việc quản lý 62 ha rừng đặc dụng; chủ động triển khai các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, trong năm không xảy ra cháy rừng trên địa bàn.

Xã Bảo Cường: được quan tâm chỉ đạo thực hiện theo quy định, triển khai hiệu quả kế hoạch bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng. Diện tích trồng rừng đạt 35,13 /19 ha; đạt 184,9% kế hoạch. Cập nhật cây xanh 2022 đạt 10.750 cây, trong đó trồng cây phân tán cập nhật 5000/4900 cây đạt 102% kế hoạch; trồng rừng sản xuất cập nhật 5.750/1000 cây. Trong năm Diện tích khai thác 26,24 ha; khối lượng đạt 1.144,80 m³; Địa bàn ổn định không xảy ra tình trạng khai thác, phát phá vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

2.2.2 Hiện trạng dân số, lao động

a. Dân số

Dân số thường trú tại thị trấn Chợ Chu năm 2022 là 6.746 người. Tỷ lệ tăng dân số giai đoạn năm 2021-2040 đạt 0,76%.

Xã Bảo Cường có tổng diện tích tự nhiên là 9,554 km², gồm có 08 xóm với 1.134 hộ, số nhân khẩu 4.722 người. Tỷ lệ tăng dân số giai đoạn 2021-2040 đạt 0,71%.

Dân số tạm trú trên địa bàn thị trấn Chợ Chu: Hiện trên địa bàn thị trấn có khoảng 700 dân tạm trú, cùng với lực lượng lao động phục vụ trong các cơ sở kinh doanh cá thể và lực lượng công an, quân đội phục vụ trong các cơ quan an ninh, quốc phòng, dự tính dân số quy đổi khoảng 7.000 người. Do vậy dân số thị trấn Chợ Chu bao gồm cả dân số quy đổi dự tính vào khoảng 13.746 người, dân số xã Bảo Cường là 4.722 người, tổng cộng dân số TT Chợ Chu mở rộng tính cả dân số quy đổi là 18.468 người (năm 2022).

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

- Tỷ lệ tăng dân số trung bình hàng năm đạt 1,4% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ $\geq 1,4\%$); ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm***

- Dân số toàn đô thị với đô thị loại IV phải đạt 50.000 - 100.000 người (Chỉ tiêu bằng 50% mức quy định); ***Đánh giá không đạt 0/2,0 điểm***

- Dân số nội thị là dân số toàn thị trấn Chợ Chu: 13.746 người, chỉ tiêu với đô thị loại IV là 20.000 đến 50.000 người (chỉ tiêu dân số tính bằng 50%); ***đánh giá đạt 4,5/6,0 điểm***

- Mật độ dân số trung bình toàn đô thị là 18.468 người/13,99 km², đạt 1.32 người/km², chỉ tiêu quy định từ 1.200 - 1.400 người/km² (chỉ tiêu bằng 50% mức quy định); ***đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm***

- Mật độ dân số khu vực nội thị trên diện tích đất xây dựng đô thị là 13.746 người/1,89 km²; đạt 7273 người/km² (chỉ tiêu quy định từ 4.000 đến ≥ 6.000 người/km²); ***đánh giá đạt 6,0/6,0 điểm***

b. Lao động

Theo số liệu thống kê năm 2022 trên địa bàn thị trấn Chợ Chu, Số người trong độ tuổi lao động: 4.274 người; số lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: 797 người; số lao động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng: 1.312 người; số lao động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, khác 1.713 người; Số đang làm việc tại Công ty Samsung TN và các đối tác; 47 người.

+ Cơ cấu lao động ngành nghề chuyển dịch theo hướng tích cực cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Lao động nông nghiệp giảm dần để chuyển sang các ngành Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ; lao động ngành nghề trên địa bàn thị trấn đang phát triển theo hướng tăng dần về chất, năm 2022 số lao động đang được đào tạo 279 người; số lao động không tham gia hoạt động kinh tế 173.

Xã Bảo Cường có tỷ lệ lao động trong độ tuổi chiếm trên 99%, nhân dân có truyền thống cần cù, có sức khỏe tốt nhưng là xã có tỷ lệ lao động nông nghiệp còn cao (trên 70%), về thu nhập chủ yếu lại tập trung ở các hộ có lao động về tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và lao động ngoài tỉnh, xuất khẩu lao động ra nước ngoài. Tuy nhiên, trình độ chuyên môn, mặt bằng để mở dịch vụ và nguồn vốn sử dụng để kinh doanh và phát triển sản xuất chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập của địa phương

+ Cơ cấu lao động trên địa bàn xã Bảo Cường; Nông, lâm, ngư nghiệp 70,4%; Công nghiệp, xây dựng 7,95 %; Tiểu thủ công nghiệp, Thương mại, dịch vụ 21,65%. Lao động trong độ tuổi: 2.940 người, trong đó nữ: 1.415 người;

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

- Tổng số lao động đang làm việc phân theo khu vực trên địa bàn thị trấn Chợ Chu là 7214 người, trong đó lao động đang làm việc trong ngành thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng là 4347 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị là đạt 60%, chỉ tiêu quy định từ 55%- ≥65% (chỉ tiêu tính bằng 70%); ***đánh giá đạt 1,5/1,5 điểm***

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị là 81,3% (chỉ tiêu quy định từ 70%- ≥80%); ***đánh giá đạt 4,5/4,5 điểm***

2.2.3 Hiện trạng sử dụng đất.

Hiện trạng sử dụng đất trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch của xã Bảo Cường chủ yếu là đất nông nghiệp, đất nông nghiệp xen kẹp đất ở nông thôn mật độ xây dựng thấp. Ngoài ra còn một số loại đất khác như đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất núi đá, mặt nước (Suối, ao, mương tưới tiêu) và đất đường giao thông.

Hiện trạng sử dụng đất Thị trấn Chợ Chu trong khu vực nghiên cứu chiếm phần lớn là đất nông nghiệp, trong đó phần lớn khu vực phía Đông là đồi núi đá.

Trên cơ sở đánh giá các yếu tố tự nhiên và hiện trạng sử dụng đất, xác định các quỹ đất xây dựng đô thị chia thành 3 loại:

+ Đất thuận lợi xây dựng đô thị: Bao gồm các quỹ đất có địa hình thuận lợi cho xây dựng, địa chất thủy văn tốt, có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có độ dốc thích hợp....

+ Đất ít thuận lợi xây dựng đô thị: Bao gồm các quỹ đất có khả năng xây dựng đô thị, có địa hình độ dốc đảm bảo, các khu vực đã có dân cư ở ổn định...

+ Đất không thuận lợi xây dựng đô thị: Bao gồm các quỹ đất không có khả năng xây dựng đô thị như các khu vực đồi núi cao, khu vực sông suối lớn, các khu vực dân cư tập trung đông đúc...

Diện tích và tỷ lệ các loại đất hiện trạng có trong khu vực quy hoạch được định hình đánh giá chi tiết qua các bảng hiện trạng tổng hợp sau:

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TT CHỢ CHU NĂM 2022

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		443,78	100,00%
1	Đất nông nghiệp	NNP	301,89	68,03%
1,1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	178,48	40,22%
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	101,37	22,84%
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	69,52	15,67%
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	31,84	7,18%
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	77,12	17,38%
1,2	Đất lâm nghiệp	LNP	117,33	26,44%
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	57,77	13,02%
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	59,57	13,42%
1,3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6,07	1,37%
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	141,81	31,95%
2,1	Đất ở	OCT	44,39	10,00%
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT		
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	44,39	10,00%
2,2	Đất chuyên dùng	CDG	77,07	17,37%
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,17	0,94%

2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	0,60	0,13%
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0,55	0,12%
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	25,90	5,84%
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,30	0,29%
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	44,56	10,04%
2,3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,11	0,02%
2,4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		
2,5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	4,89	1,10%
2,6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	14,60	3,29%
2,7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,74	0,17%
2,8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0,08	0,02%
3,1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	0,08	0,02%

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT XÃ BẢO CƯỜNG

Thứ tự	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2022
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		955,43
1	Đất nông nghiệp	NNP	859,35
1,1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	384,25
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	276,15
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	247,94
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	28,21
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	108,10
1,2	Đất lâm nghiệp	LNP	450,00
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	419,58
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	30,42
1,3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	25,10
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	90,32
2,1	Đất ở	OCT	33,32
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	33,32
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	
2,2	Đất chuyên dùng	CDG	38,23
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,16
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	2,27
2.2.3	Đất an ninh	CAN	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	3,15
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,38
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	30,26
2,3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2,4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2,5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	0,61

2,6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	18,15
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,77
3,1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	5,53
3,2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0,24

2.2.4 Hiện trạng cơ sở hạ tầng.

a. Hiện trạng nhà ở

Được chia thành 02 kiểu:

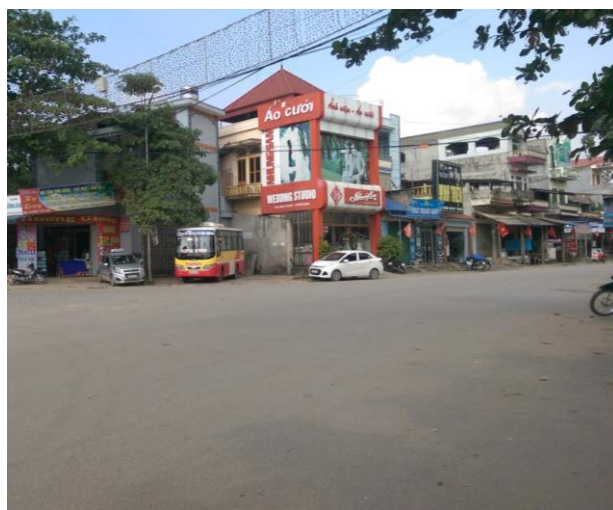
- Kiểu đô thị: Phần lớn, phát triển dọc theo các tuyến giao thông liên thị trấn, quốc lộ 3C, khu trung tâm ngã tư thị trấn, kiến trúc tương đối đẹp với tầng cao từ 2-4 tầng.

- Kiểu nông thôn trong đô thị: Phát triển dàn trải trên toàn thị trấn, và xã Bảo Cường quá trình đô thị hoá diễn ra chậm, vẫn giữ được hình thức vốn có của nhà ở truyền thống vùng đồng bằng Bắc bộ như nhà có sân vườn, mái ngói. Công trình cao trung bình 1 - 2 tầng, mật độ xây dựng thấp, chất lượng công trình trung bình.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

- Diện tích sàn nhà ở bình quân m²/ người tại thị trấn Chợ Chu là 29,63. Diện tích sàn nhà ở bình quân m²/ người tại xã Bảo Cường là 18,13. Diện tích bình quân đạt 24,86m² sàn/người; chỉ tiêu 28-32 m² sàn/người(chỉ tiêu giảm 70%); ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm***

- Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố tại thị trấn Chợ Chu là 99,3%. Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố tại xã Bảo Cường là 99,8%; (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 85-90%); ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm***



Hình 2-3: Hiện trạng các công trình nhà ở tại thị trấn Chợ Chu



Hình 2.4 : Hiện trạng các công trình nhà ở tại xã Bảo Cường

b. Đất cơ quan hành chính

Nằm ở tổ dân phố Trung Kiên giữa trung tâm của thị trấn Chợ Chu, có khuôn viên tương đối rộng, phần lớn các công trình trụ sở nơi làm việc của cán bộ, công chức Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ các đoàn thể chính trị-xã hội được hành chính được xây dựng kiên cố, cao tầng 2 - 4 tầng tới đa 5 tầng.

Nằm ở xóm Cốc Lùng, có diện tích 2200m², phần lớn các công trình trụ sở nơi làm việc của cán bộ, công chức Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ các đoàn thể chính trị-xã hội xã Bảo Cường được xây dựng kiên cố, cao tầng 2

Tất cả các công trình cơ quan, viện nghiên cứu đều bám theo các tuyến đường liên thị trấn, các công trình phần lớn đều được xây dựng trong những năm trước đây, hình thức kiến trúc xấu, công trình cao từ 2-3 tầng.



Hình 2.5 : Hiện trạng các công trình trụ sở cơ quan hành chính

c. Hiện trạng công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị

Giáo dục

* Thị trấn Chợ Chu có 04 cấp học đều là đơn vị có bề dày thành tích trong công tác dạy và học. Bao gồm: Trường PTTT huyện; Trường THCS; Trường tiểu học và Trường mầm non.

Trong đó có Trường THCS và trường Tiểu học đã đạt Trường chuẩn Quốc gia mức độ 2; Trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

+ Trường THCS Chợ Chu nằm trên địa bàn tổ dân phố Hồ Sen, có diện tích 10.588m²; có 04 nhà 2 tầng, trong đó 13 phòng học thường xuyên, 07 phòng học bộ môn; tổng số 477 học sinh và 29 cán bộ giáo viên (03 Gv hợp đồng).

+ Trường Tiểu học Chợ Chu nằm trên địa bàn tổ dân phố Hồ Sen, có diện tích 11.004m²; có 02 nhà 2 tầng 18 phòng học và đang thi công 01 nhà 03 tầng 16 phòng học; tổng số 769 học sinh và 47 cán bộ giáo viên (15 Gv hợp đồng).

+ Trường Mầm non Chợ Chu được chia làm 02 khu. Khu trung tâm nằm trên địa bàn TDP Trung Tâm, gồm 09 lớp có diện tích 6.908m²; khu Chợ Chu nằm trên địa bàn TDP, gồm 08 lớp có diện tích 1.577m²; có 03 nhà 2 tầng 20 phòng học; tổng số 484 trẻ và 56 cán bộ giáo viên, nhân viên (13 Gv nhân viên, bảo vệ hợp đồng).

+ Hàng năm các Nhà trường thường xuyên đạt thành tích cao trong giáo dục đào tạo, luôn là lá cờ đầu trong ngành GD huyện Định Hóa.

Xã Bảo Cường có 03 trường gồm trường Mầm non, Tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (đạt 100%). Cả 03 trường đều đóng trên địa bàn xóm Cốc Lùng.

+ Trong năm 2022, công tác giáo dục và đào tạo được thực hiện có hiệu quả theo chương trình, kế hoạch năm học 2021 – 2022. Các hoạt động thi đua thực hiện các phong trào của ngành được quan tâm triển khai ở các cấp học. Trường THCS: tỷ lệ lên lớp đạt 96,6 %, tốt nghiệp lớp 9 đạt 100%, trường đạt tập thể lao động tiên tiến. Trường Tiểu học: Hoàn thành chương trình lớp học cho: 405/407 học sinh, đạt 99,5%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 71/71 học sinh đạt 100%, trường đạt Tập thể lao động xuất sắc. Trường Mầm Non: Tỷ lệ chuyên cần: đạt 94,4%; tỷ lệ phát triển đạt yêu cầu đạt 97,1%; trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình: 91/91 cháu đạt 100%. Trường đạt Tập thể lao động tiên tiến.

+ Năm học 2019 - 2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Thầy và trò các nhà trường đã khắc phục khó khăn tổ chức dạy và học trực tuyến vì vậy chất lượng giáo dục vẫn được đảm bảo, đáp ứng yêu cầu dạy và học.

+ Trong thời gian qua, chất lượng giáo dục đào tạo ngày càng được nâng cao, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục của các trường trên địa bàn thị trấn ngày càng được chú trọng đầu tư nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: Thị trấn Chợ Chu mở rộng có 01 cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị là Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Định Hóa, trường Trung học phổ thông có 01 trường là THPT Định Hóa; tiêu chuẩn quy định 2-5 cơ sở (chỉ tiêu giảm 70%); **đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm**



Hình 2-6: Các trường trên địa bàn

Y tế

Trung tâm y tế thị trấn Chợ Chu được xây dựng 2 tầng, Trạm được công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia về y tế năm 2019, Trạm có đủ các phòng khám và điều trị ban đầu, trang thiết bị và các phòng điều trị, phòng làm việc, được sự quan tâm của các cấp các ngành, sự nghiệp y tế ở thị trấn ngày càng phát triển.

+ Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, cùng với thực hiện tốt công tác khám và điều trị bệnh tại tuyến cơ sở, tiếp tục nâng cấp chuẩn Quốc gia về y tế cơ sở và chuẩn Y học cổ truyền tiên tiến. Cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh tiếp tục tăng cường, tiếp tục được đầu tư nâng cấp cả về cơ sở vật chất và trang thiết bị.

+ Duy trì tốt công tác khám chữa bệnh cho người dân trong thị trấn, đặc biệt là người già, người dân thuộc diện khó khăn, Công tác cấp phát thẻ BHYT cho đối tượng thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội luôn được đảm bảo đúng quy định. Công tác bảo vệ và chăm sóc bà mẹ, trẻ em luôn được địa phương quan tâm kịp thời. Trong năm 2022. Trạm y tế tổ chức khám cho 433 lượt bệnh nhân khám; phụ nữ có thai khám đủ ba lần 63 người..

Trạm y tế xã Bảo Cường xây dựng trên diện tích đất 1052m², đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Đến tháng 7/2022 toàn xã Bảo Cường có 4412/4722 người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,43%. Xã Đạt tiêu chí Quốc gia về y tế. Tỷ lệ trẻ em dưới 5

tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) có 44/314 trẻ đạt 14%. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử còn thấp. Trạm y tế tổ chức khám cho 722 lượt người, tiêm cho trẻ trong độ tuổi tiêm phòng là 75/75 trẻ, tiêm phòng Covid-19 cho 3.841 lượt người tại trạm



Hình 2-7: Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Cơ sở y tế cấp đô thị bao gồm Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa quy mô 220 giường bệnh (*Trang 546 – Niên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2021*). Trung tâm Y tế huyện, phòng khám Tư nhân 19A. Bình quân số lượng giường bệnh trên dân số đô thị thị trấn Chợ Chu là 220/18.468 người, đạt 119,12 giường/10.000 người; tiêu chuẩn quy định 25-30 giường/10.000 người; ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm***

Công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng

Thị trấn Chợ Chu có nhà Tù Chợ Chu và Chùa Hang là di tích Quốc gia; Địa điểm nơi thành lập Tiểu đoàn 187 tiền thân của Lữ đoàn 144 và địa điểm nơi thành lập chi bộ Châu Định Hóa tiền thân của Đảng bộ huyện Định Hóa là di tích cấp tỉnh.



Hình 2-9: Di tích Chùa Hang và Nhà tù Chợ Chu

Di tích Nhà tù Chợ Chu thuộc TDP Trung Kiên, thị trấn Chợ Chu. Theo các tài liệu lịch sử, khi thực dân Pháp chiếm đóng Định Hóa, chúng bắt đầu cho xây dựng đồn Chợ Chu và được củng cố dần đến năm 1920 thì hoàn chỉnh. Năm 1916, thực dân Pháp cho xây dựng Nhà tù Chợ Chu. Ban đầu nhà tù làm bằng tre, gỗ đơn sơ để giam thường phạm. Sau vụ nổi dậy giết cai ngục, cướp vũ khí chạy vào rừng của những tù nhân tại Nhà tù Chợ Chu vào đêm 27, rạng sáng 28/8/1922; đồng thời, năm 1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ, bị Pháp đàn áp, nhiều chiến sĩ cách mạng và nhân thân bị bắt về giam giữ ở Nhà tù Chợ Chu, do đó năm 1942, Pháp tiếp tục mở rộng nhà tù, xây kiên cố hơn bằng gạch, ngói, xi măng, hầm giam có thể nhốt đến 200 người. Địa điểm di tích nhà tù Chợ Chu gồm: Khu quan đồn, khu lính và nhà tù. Hiện, toàn bộ khu vực đồn và nhà tù còn lại một số đoạn tường bao xây đá khối nguyên vẹn, lô cốt, nền nhà và sân... Di tích đã được đầu tư phục hồi, tôn tạo lại một số đoạn tường, lô cốt, khe đặt súng, bia ghi dấu sự kiện, danh sách 12 đồng chí vượt ngục thành công năm 1944, trồng cây xanh, tôn tạo đường lên, thu hút khách tham quan di tích.

Di tích quốc gia Chùa Hang thuộc tổ dân phố Phô Núi, thị trấn Chợ Chu, nơi đây sau chiến dịch Biên giới 1950 Bác Hồ trở lại Định Hóa, Người đã dừng chân và làm việc một thời gian. Trong những năm giặc Mỹ leo thang đánh phá Miền Bắc (1965-1973), Chùa Hang còn là nơi cất giữ những kỷ vật của bảo tàng Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 2000, Lễ hội Chùa Hang được khôi phục, hàng năm vào dịp Rằm tháng Giêng, thị trấn Chợ Chu lại tổ chức Lễ hội để phục vụ du khách gần xa đến tham quan, tham gia các trò chơi dân gian và cầu no ấm, bình an cho bách gia trăm họ.

Nhà văn hóa TT thuộc khu trung tâm văn hóa thể thao chùa Hang của huyện hiện đang được thi công

Xã Bảo Cường có Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Định Hóa và đài Tưởng niệm Liệt sỹ được xây dựng khang trang



Hình 2-10: Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Định Hóa và Đài tưởng niệm Liệt sỹ xã Bảo Cường

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Công trình văn hóa cấp đô thị: Thị trấn Chợ Chu có 05 công trình văn hóa cấp đô thị gồm: Nhà thiếu nhi; Đài tưởng niệm Liệt Sĩ; Nhà Tù Chợ Chu; Trung tâm văn hóa thể thao Chùa Hang, Sân lễ hội; tiêu chuẩn 2-4 công trình; **đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.**

Thể dục thể thao

Thị trấn Chợ Chu có 01 sân vận động trung tâm của huyện, nhưng chưa được đầu tư nhiều chỉ là khoảng đất trống phục vụ TDTT. Ngoài ra còn có SVĐ trường THPT Định Hóa; Sân Bóng đá Toàn Dụ; Bể bơi, sân tennis nhà thiếu nhi ĐH; Trung tâm văn hóa thể thao huyện Định Hóa.

Xã Bảo Cường có 1 sân thể thao phía sau trụ sở hành chính xã, toàn xã có 8 nhà văn hóa và phần diện tích phục vụ hoạt động thể dục thể thao tại các xóm.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Công trình Thể dục thể thao cấp đô thị: Tiêu chuẩn từ 02-03 công trình; **đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.**

Thương mại, dịch vụ

Các công trình thương mại – dịch vụ cấp đô thị trên địa bàn thị trấn Chợ Chu có 04 công trình lớn là Chợ Chu và 2 trung tâm điện máy, 1 siêu thị Winmart



Hình 2-8: Công trình thương mại dịch vụ

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị: Tiêu chuẩn từ 02-04 công trình; **đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm .**

2.2.5. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

a) Về giao thông

* **Giao thông nội thị:** Hệ thống giao thông của thị trấn những năm gần đây phát triển mạnh, đường Quốc lộ 3C đã được nâng cấp, đa số tuyến đường giao thông đã và đang được mở rộng và nâng cấp bê tông cứng hóa, thuận lợi cho việc đi lại giao lưu hàng hóa. Ngoài ra có trục đường mòn Hồ Chí Minh chạy qua thị trấn.

Mạng lưới đường huyện, nội thị, đường bê tông liên xóm, liên thôn huyện Định Hóa gồm:

- + 02 tuyến đường nội thị với tổng chiều dài 3,15 km.
- + 04 đoạn tuyến đường huyện qua khu vực nghiên cứu QH với tổng chiều dài 3,2 km.
- + Hệ thống đường giao thông liên thị trấn Chợ Chu với tổng chiều dài 9,75 km.
- + Kết cấu mặt đường gồm:

Bê tông nhựa :	L= 4,56 km;	chiếm 28,32% (4.56 km/16,11 km)
Láng nhựa:	L= 1,80 km;	chiếm 11,18% (1.8 km/16,11 km)

Đường liên xóm, liên thôn (bê tông xi măng): L= 9,75 km; chiếm 60,50% (9,75 km/16,11 km).

Chất lượng đường: Các tuyến đạt TC đường cấp III, cấp IV và GTNT loại A, loại B và đường mòn Hồ Chí Minh chạy qua.

* **Giao thông công cộng:** Thị trấn Chợ Chu có 01 tuyến xe buýt hoạt động :

Tuyến số 06: Bắt đầu từ Tòa án nhân dân Tỉnh - đường Túc Duyên - đường Phan Đình Phùng - đường Lương Ngọc Quyến - ngã ba Bắc Nam - đường Thống Nhất - ngã ba Viện Lao - quốc lộ 3 tuyến tránh thị trấn Thái Nguyên - cầu Vượt Đán - đường Quang Trung (qua các điểm đón trả khách trường Cao Đẳng Sư Phạm, Cao đẳng Y, bệnh viện A, quay đầu bên trong khu dân cư số 6 phường Thịnh Đán) - đường Quang Trung - ngã tư Đồng Quang - đường Lương Ngọc Quyến - đường Dương Tự Minh - Quán triều - đường tròn Tân Long - thị trấn Giang Tiên - Thị trấn Đu - Km 31 - Phú Tiên - Ngã 3 Quán Vuông - Thị trấn Chợ Chu (Định Hóa) và ngược lại.

* **Giao thông xã Bảo Cường**

Tỷ lệ đường xã: 3,2/3,2 km được nhựa hóa đạt 100%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện.

Tỷ lệ đường trục xóm và đường liên xóm đạt: 16,71/19,66 km được bê tông hóa đạt 85%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện.

Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm: 19,29/21,89 km cứng hóa, bê tông đạt 88,12%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện .

Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa: 3,21/4,85 km bê tông hóa đạt 66,18%.

Các công trình, hệ thống đường giao thông thường xuyên được quản lý, duy tu, sửa chữa.



Hình 2-11: Hiện trạng giao thông

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

- Thị trấn Chợ Chu có điều kiện phát triển giao thông đường bộ (quốc lộ 3C, đường mòn HCM đi qua) đóng vai trò là đầu mối giao thông của huyện Định Hóa; là đầu mối giao thông cấp vùng liên huyện (Tiêu chuẩn quy định đối với đô thị loại IV có tính chất cấp vùng liên huyện - vùng tỉnh), ***đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.***

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị: Tổng diện tích đất giao thông khu vực đô thị là 17,41 ha; diện tích đất xây dựng đô thị là 198,7 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông khu vực đô thị trên đất xây dựng đô thị là $(17,41 \text{ ha}/198,7 \text{ ha}) * 100\%$, đạt 8,76 %; Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 12-17% (70% mức quy định); ***đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.***

- Mật độ đường giao thông đô thị: Tổng chiều dài mạng lưới đường giao thông chính là khoảng 20 km (tính đến đường có chiều rộng lòng đường $\geq 7,5\text{m}$), tổng diện tích đất xây dựng đô thị 1,987km². Mật độ đường giao thông là 20 km/1,987 km², đạt 10,06 km/km² (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 5-6 km/km²); ***đánh giá đạt 2,0 /2,0 điểm***

- Diện tích đất giao thông chính khu vực đô thị là 17,41 ha; bình quân diện tích đất giao thông trên dân số đô thị là 174.100 m²/11.468 người, đạt 15,18 m²/người (Tiêu chuẩn với đô thị loại IV từ 7 đến 9 m²/người); ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.***

Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt trên 2% (Tiêu chuẩn với đô thị loại IV từ 3% đến 5%); ***đánh giá đạt 0,0/1,0 điểm.***

b. Cấp nước

Thị trấn Chợ Chu hiện nay có trạm cấp nước sạch công suất 40 m³/h, khai thác nước ngầm. Trạm được xây dựng từ những năm thập niên 90, cấp nước sinh hoạt cho khoảng 2000 hộ dân và các dịch vụ khác. Mạng lưới cấp nước hiện nay đã tương đối rộng khắp toàn thị trấn với đường kính ống truyền tải F150, F100 chạy dọc các tuyến đường chính.

- *Nguồn cấp nhỏ lẻ hộ gia đình*

- Bên cạnh việc sử dụng nguồn nước từ hệ thống cấp nước tập trung thì tại thị trấn còn sử dụng nguồn cấp nước hộ gia đình (giếng đào, giếng khoan). Theo thống kê, tổng số lượng công trình cấp nước hộ gia đình hợp vệ sinh là 1.931 công trình.

- *Đánh giá hiện trạng cấp nước*

Tỷ lệ người sử dụng nước HVS cao đạt 96%.

Tỷ lệ công trình cấp nước nhỏ lẻ HVS cao đạt 100%.

Số người sử dụng nước máy đô thị (hệ thống cấp nước tập trung NMN Chợ Chu) còn thấp 700 hộ

Toàn xã Bảo Cường hiện có 127/1122 hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 11,3% toàn hộ trên địa bàn xã, 100% các hộ được sử dụng nước HVS.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người: Thị trấn Chợ Chu có trạm cấp nước sạch công suất 40 m³/h. Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thị trấn hiện nay đạt 61 lít/người/ngày (Tiêu chuẩn đô thị loại IV từ 100 đến 120 lít/người/ngày); ***đánh giá không đạt 0,0/1,0 điểm***.

Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh: Mạng phân phối nước chính hiện tại của thị trấn đang từng bước phát triển. Tỷ lệ cung cấp nước sạch phục vụ các hộ dân trên địa bàn thị trấn đạt 85% (tiêu chuẩn từ 90% đến 95%); ***đánh giá không đạt 0,0/1,0 điểm***

c. Cấp điện

Hiện tại có các tuyến đường dây 0,4Kv cấp cho khu dân cư các phố, xóm trong khu quy hoạch và 12 trạm biến áp 22/0,4kv hiện có.

Bảng 0-1: Bảng hiện trạng hệ thống điện thị trấn Chợ Chu

STT	Tên trạm biến áp	Công suất	Số lượng	Ghi chú
1	TBA Trung tâm 1	560kva-22/0,4kv	1	560
2	TBA Trung tâm 2	400kva-22/0,4kv	1	400
3	TBA Trung tâm 3	400kva-22/0,4kv	1	400
4	TBA Huyện ủy	250kva-22/0,4kv	1	250
5	TBA Chợ Chu 1	400kva-22/0,4kv	1	400
6	TBA Chợ Chu 2	250kva-22/0,4kv	1	250
7	TBA Đài truyền hình 1	560kva-22/0,4kv	1	560
8	TBA Đài truyền hình 2	180kva-22/0,4kv	1	180
9	TBA Phố Mới 2	180kva-22/0,4kv	1	180
10	TBA Viễn thông Định Hóa	50kva-22/0,4kv	1	50
11	TBA Kho bạc Định Hóa	50kva-22/0,4kv	1	50

STT	Tên trạm biến áp	Công suất	Số lượng	Ghi chú
12	TBA Chi cục Thuế	180kva-22/0,4kv	1	180
		Tổng cộng		3.460

Nguồn trung thế gồm 01 nguồn 22 kV chạy trong khu quy hoạch.

Hiện trạng hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông gồm hơn 360 bóng đèn cao áp gắn trên cột kẽm tròn, BTLT với chiều cao khoảng 10 mét, chiều dài đường dây chiếu sáng gần 7.000 mét nằm trong khu trung tâm thị trấn.

* Xã Bảo Cường: Hệ thống điện xã đạt chuẩn theo quy định. Số trạm biến áp 7. Có công suất từ 100kva đến 320 kva. Số km đường dây hạ thế 22 km, trong đó 21 km đạt chuẩn.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người; Tổng sản lượng điện năng tiêu dùng khu vực đô thị là 13.381.966 KWh; sản lượng điện năng tiêu thụ bình quân đầu người là 13.381.966 kwh/11.468 người, đạt 1.166 kwh/người/năm (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 350 đến 500 kwh/người/năm); ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.***

Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng: Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng: Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100,0% (Tiêu chuẩn đô thị loại IV từ 90-95); ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.***

Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng: đạt 48% (tiêu chuẩn với đô thị loại IV từ 50-70%); ***đánh giá không đạt 0,0/1,0 điểm***

d. Hiện trạng Bưu chính, hạ tầng thông tin

Hiện thị trấn có 01 điểm bưu chính nằm trên đường Quốc lộ 3C, thuộc tổ dân phố Bãi Á gần chợ Định Hoà và 02 điểm viễn thông của Viettel và VNPT. Điểm Viễn thông Viettel nằm trên địa bàn tổ dân phố Tân Lập hiện ở đối diện Ngân hàng nông nghiệp, còn và điểm viễn thông VNPT nằm tổ dân phố Bãi Á ngay cạnh bưu chính, tỷ lệ phủ sóng thông tin di động/dân số đạt 100 %.

Hệ thống bưu chính viễn thông trên địa bàn thị trấn Chợ Chu được trang bị hiện đại, công nghệ cao và chất lượng tương đối đồng bộ, nối mạng hoàn chỉnh đến tất cả các đơn vị hành chính trong huyện Định Hóa.

Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc thị trấn Chợ Chu: Được phục vụ từ tổng đài vệ tinh Chợ Chu 7104 số. Khu vực hiện trạng có tuyến cáp quang dung lượng 8FO, tuyến cáp quang hiện chạy dọc theo đường Quốc lộ 3C, đường Hồ Chí Minh, đường nội thị, và các tuyến đường liên phố.

Giải quyết: 7602 hồ sơ (trong đó hồ sơ trực tuyến 2646 hồ sơ, đạt 34,8%); chứng thực hợp đồng 157 trường hợp

Diêm Bưu điện văn hoá xã Bảo Cường nằm ở xóm Tân Tiến đã đạt chuẩn

Xã Bảo Cường đã có đường truyền cáp quang tốc độ cao kéo đến trung tâm xã, lắp đặt internet phục vụ nhu cầu sử dụng của nhân dân trên địa bàn xã. Hiện nay xã có 8/8 xóm đạt 100% số xóm có Internet băng rộng; 8/8 xóm đạt 100% số xóm có mạng internet có dây, không dây, 3G, 4G.

trên địa bàn xã có 2.747 hồ sơ yêu cầu giải quyết về TTHC. Trong đó:

+ Số hồ sơ mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua DV bưu chính) là: 1.755 hồ sơ;

+ Số mới tiếp nhận trực tuyến: 992 hồ sơ, đạt 56,5%

Mạng bưu chính hiện nay đã được phát triển rộng khắp trong toàn tỉnh đáp ứng các dịch vụ bưu chính cơ bản. Các dịch vụ viễn thông và mạng thông tin di động áp dụng phương thức truyền dẫn bằng cáp quang và vi ba nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân: Tổng số lượng thuê bao internet bao gồm cả cố định và di động là 6.017 thuê bao, chiếm tỷ lệ $6.017 \cdot 100 / 11.468$ người; đạt trên 52,46 thuê bao/100 dân (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 75-100 thuê bao/100 người); ***đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.***

Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang: Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang đạt 48,8%; Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 65-100% (giảm 70% so với mức quy định); ***Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.***

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình Đạt 35,15%; Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 25-60% (giảm 70% so với mức quy định); ***Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.***

e. Hiện trạng thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

- Hiện trạng thoát nước:

Hiện thị trấn có 3 lưu vực thoát nước chính:

Lưu vực 1: Khu vực Trung tâm huyện hướng thoát từ Tây sang Đông, rồi thoát nước ra sông Chu.

Lưu vực 2 từ Ngã ba lương thực đi Phúc Chu, hướng thoát từ Đông sang Tây.

Lưu vực 3 ở phía chợ Chu cũ, hướng thoát hướng thoát từ Đông sang Tây, rồi thoát nước ra sông Chu.

Các trục chính như QL3C, đoạn đường mòn HCM đoạn từ Ngã 3 Lương thực hướng đi Chợ Đồn và đường từ Dốc Châu đi đài tưởng niệm: Công thoát nước hiện có là loại cống bản xây gạch B800mm;

Đường Hồ Chí Minh đoạn từ Ngã 3 Lương thực hướng đi Tân Dương: Công thoát nước hiện có là loại cống tròn BTCT D800mm;

Các trục đường còn lại: Công thoát nước hiện có là cống bản B600mm và B400mm.

Ngoài ra hiện trạng hiện có các loại rãnh đất, mương xây và hệ thống Sông Chu được kiên cố hóa chạy qua thị trấn.

trong những năm gần đây, do quá trình phát triển đô thị của thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, nhiều diện tích đất đã bị người dân đổ đất san lấp vì vậy đã làm bồi lấp kênh, mương, thu hẹp dòng chảy, diện tích đất trống, khiến cho việc thoát nước càng thêm khó khăn.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Mật độ đường công thoát nước chính; Mật độ đường công thoát nước chính (tính theo tỷ lệ chiều dài các tuyến đường chính có hệ thống thoát nước trên diện tích đất xây dựng đô thị) đánh giá đạt khoảng: 1,92km/km². Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 3-3,5km/km²(giảm 70% so với mức quy định); ***Đánh giá không đạt 0,0/2,0 điểm.***

Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục: Thị trấn Chợ Chu và khu vực mở rộng xã Phú Cường đã và đang triển khai biện pháp phòng chống ngập úng bằng biện pháp xây cống qua đường, kiên cố hóa kênh mương và hệ thống sông Chu được kiên cố hóa, do đó đã cơ bản giải quyết được tình trạng ngập úng. Mặc dù vậy, vẫn chưa hoàn toàn xử lý triệt để do đặc thù địa hình vùng cao và các hiện tượng thời tiết cực đoan khi vào mùa mưa lũ. Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 10-20% (giảm 70% so với mức quy định) ***Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.***

- Môi trường nước

*Nước mặt:

Hiện nay, nguồn nước tại thị trấn Chợ Chu hiện đang tiềm tàng nguy cơ ô nhiễm. Nước thải sinh hoạt trên địa bàn không qua một hình thức xử lý nào mà được xả trực tiếp ra vào các kênh, mương, gây ô nhiễm cục bộ nguồn nước tại các vị trí mương, cống xả. Tuy nhiên, do dân cư không nhiều, lượng nước thải phát sinh nhỏ, lại phân tán theo nhiều lưu vực, nên mức độ ô nhiễm hồ, ao, suối hiện không đáng kể.

*Nước ngầm:

Theo kết quả khảo thí tầng nước ngầm dưới đất tại khu vực có trữ lượng ít. Ngoài ra nguồn nước ở đây vẫn bị nhiễm sắt nên rất đục, mặc dù các gia đình đã lọc bằng bể lắng nhưng cặn vẫn bám ở dưới đáy nồi, xoong khiến người dân lo ngại. Vào mùa khô, nước giếng cạn, bơm rất nhỏ giọt nên nguồn nước cũng thiếu.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: Hiện tại chủ yếu là nước thải sinh hoạt của người dân đang được xử lý cục bộ do chưa xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng, chủ yếu xử lý nước thải bằng hệ thống bể tự hoại. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đánh giá đạt 0% (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 15-30%); ***đánh giá đạt 0,0/2,0 điểm.***

- Môi trường không khí

Hiện tại, môi trường không khí bị ảnh hưởng chủ yếu bởi quốc lộ 37. Các tác động chủ yếu tại đây chủ yếu là ô nhiễm bụi, tiếng ồn... Tuy nhiên nồng độ bụi lơ lửng dưới ngưỡng cho phép của QCVN 05:2009/BTNMT.

Nhìn chung chất lượng môi trường không khí tương đối tốt, chưa bị ô nhiễm bởi các chất độc hại.

- Hiện trạng tiếng ồn

Khu vực quy hoạch chịu ảnh hưởng tiếng ồn của các yếu tố sau:

Tiếng ồn do các hoạt động của phương tiện giao thông trên quốc lộ 3C.

Tiếng ồn do các hoạt động sản xuất từ cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

Trên cơ sở các kết quả cường độ do tiếng ồn tại khu vực quy hoạch, so sánh với QCVN 26:2010/BTNMT cho thấy cường độ tiếng ồn tại khu vực quan trắc thấp hơn tiêu chuẩn cho phép tính cho các khu dân cư xen kẽ trong khu vực thương mại, dịch vụ, sản xuất...(tiêu chuẩn cho phép là 70dB).

- Môi trường đất

Đất trong thị trấn Chợ Chu bị ảnh hưởng do hoạt động nông nghiệp như sử dụng các loại hóa chất bảo vệ thực vật, phân vô cơ và các chất thải nông nghiệp để lại. Những ô nhiễm này phần lớn được cây xanh hấp thụ, một phần được hòa tan vào trong nước, một phần được giữ lại trong đất.

Trong thời gian qua, ô nhiễm đất trong huyện chỉ diễn ra cục bộ như ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật ở một số vùng chuyên canh nông nghiệp, ô nhiễm kim loại nặng. Tuy nhiên qua điều tra khảo sát cho thấy hàm lượng chất bảo vệ thực vật còn lại trong đất là không đáng kể mà chỉ còn lại một phần phân hóa học (N, N205), nguồn ô nhiễm này thay đổi theo mùa, vụ sản xuất.

Thị trấn Chợ Chu chưa có hệ thống thoát nước thải. Nước thải chỉ được xử lý bằng bể tự hoại hoặc bán tự hoại thậm chí không được xử lý xả thẳng ao, hồ, kênh, mương, ... một số khu vực dân cư nước thải sinh hoạt chảy tràn ra đất gây ô nhiễm môi trường đất làm ảnh hưởng đến chất lượng đất và sự phát triển của thảm thực vật.

Nhìn chung, chất lượng đất khu vực còn tương đối tốt, chưa bị ô nhiễm bởi hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

- Hiện trạng chất thải rắn

Trên địa bàn thị trấn Chợ Chu bố trí nhiều điểm tập kết CTR như bệnh viện đa khoa Định Hóa; trên địa bàn thị trấn đã hình thành tổ thu gom rác thải với tần suất thu gom 2 lần/tuần.

Toàn bộ lượng CTR phát sinh tại thị trấn và xã Bảo Cường được thu gom và đưa về các cơ sở xử lý rác chung của huyện Định Hóa.

Huyện có một bãi chôn lấp chất thải rắn tại xóm vườn Rau, thị trấn Chợ Chu.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn thị trấn chủ yếu là chất thải phát sinh từ Trạm y tế thị trấn Chợ Chu và bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom và xử lý đạt 100% (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 70-85%); ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.***

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom: Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom CTR sinh hoạt chiếm 90% lượng CTR phát sinh. (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 80-90%); ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.***

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường:

Rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thị trấn được thu gom, vận chuyển và xử lý tại các công ty môi trường của huyện, đánh giá tỷ lệ chất thải rắn được xử lý hợp vệ sinh chỉ đạt 60% . Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 65-70% (70% so với mức tiêu chuẩn); ***đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.***

Nhìn chung, vấn đề ô nhiễm môi trường do chất thải rắn hiện nay vẫn đang diễn ra, nhưng chưa ô nhiễm mức độ trầm trọng và chưa có ảnh hưởng nhiều đến môi trường sống của người dân trong vùng.

- Hiện trạng nghĩa trang

Nghĩa trang Chợ Chu nằm ở phía Bắc thị trấn, với diện tích khoảng 0,5ha. Hiện đang triển khai đầu tư xây dựng mở rộng giai đoạn 1 với quy mô khoảng 2,5 ha.

xã Bảo Cường đã cắm mốc quy hoạch 02 khu nghĩa trang nhân dân tại xóm Khẩu Bảo, Làng Chùa, tuy nhiên chưa có nguồn lực giải phóng mặt bằng và xây dựng.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Nhà tang lễ: Trên địa bàn thị trấn Chợ Chu và khu vực mở rộng xã Bảo Cường hiện chưa có nhà tang lễ. Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 1-2 cơ sở: ***Đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.***

Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Trên địa bàn thị trấn Chợ Chu và khu vực mở rộng xã Bảo Cường hiện nay chưa có khu hỏa táng. Tuy nhiên, để dần đáp ứng theo yêu cầu về nếp sống văn minh đô thị, tỉnh Thái Nguyên, huyện Định Hóa, UBND thị trấn Chợ Chu và UBND xã Bảo Cường đã có các chính sách khuyến khích người dân thực hiện hình thức hỏa táng. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn thị trấn Chợ Chu đạt 7% (tiêu chuẩn quy định đối với đô thị loại IV từ có chính sách khuyến khích 5%- 10%); ***đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.***

f. Hiện trạng hệ sinh thái, công viên cây xanh

Hệ sinh thái tồn tại tại khu vực chủ yếu là hệ sinh thái nông nghiệp. Xét về tổ chức bên trong, hệ sinh thái nông nghiệp bao gồm các hệ sinh thái phụ sau:

Đồng ruộng cây hàng năm (lúa, cây ngắn ngày).

Đồng cỏ chăn nuôi.

Ao, hồ, ngòi.

Hệ động vật thường gặp chủ yếu là các họ chuột (chuột đồng, chuột nhà...), các loài lưỡng cư như (ếch, nhái...), động vật không xương sống (giun...) thường để chỉ thị chất lượng môi trường đất.

Hệ thực vật thủy sinh: Chủ yếu là rau muống, bèo, sen... giá trị kinh tế không cao.

Hệ sinh thái nông nghiệp trong khu vực chất lượng, sản lượng, năng suất, giá trị về kinh tế không cao. Vì vậy, nếu chúng được thay thế bằng các hệ sinh thái khác thì cũng không có gì ảnh hưởng đến nền kinh tế và môi trường khu vực.

- Hiện trạng cây xanh, công viên

Trên địa bàn thị trấn Chợ Chu hiện chưa có khu công viên, vườn hoa tập trung nào, tuy nhiên do là thị trấn miền núi có diện tích đất nông nghiệp và diện tích đất ao hồ, cây xanh trong khu dân cư lớn. Do vậy, diện tích đất trồng cây xanh trong khu dân cư hiện trạng tương đối nhiều.

Dự kiến khu công viên hồ sinh thái trung tâm liên kết với khu trung tâm văn hóa của huyện ở phía đầu đường 120m tạo nên một lõi xanh trung tâm của đô thị phù hợp với điều kiện địa hình nơi đây.

Đan xen trong các khu vực bố trí rải rác các khu cây xanh nhỏ nhằm cải thiện vi khí hậu cho từng khu chức năng.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người: diện tích cây xanh toàn đô thị là 55.320 m²/11.468 đạt 4,82 m²/người. Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 6-8 m²/người; ***đánh giá chưa đạt 0,0/2,0 điểm***

Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người; Diện tích đất cây xanh công cộng đô thị tính quy đổi chiếm 20% diện tích đường giao thông chính, đạt 34.824 m²; tiêu chuẩn cây xanh công cộng đô thị là 34.824 m²/11.468 đạt 3,03 m²/người. (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 4-5 m²/người); ***đánh giá chưa đạt 0,0/2,0 điểm***.

g. Hiện trạng không gian kiến trúc cảnh quan

Cảnh quan tự nhiên

Thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường có lợi thế cảnh quan dựa vào điều kiện tự nhiên của địa hình bằng phẳng dọc lưu vực sông Chu, có dãy Núi Nản phía Đông cùng các gò đồi phía Tây tạo nên một không gian hùng vĩ, giàu cảm xúc và là yếu tố góp phần định hình không gian của đô thị Chợ Chu.



Hình 2-12: Không gian thị trấn và Cảnh quan núi Nản

Không gian đô thị

- Không gian đô thị của toàn bộ khu vực hiện đã định hình trọng tâm rõ nét. Các công trình kiến trúc hành chính cơ bản được đầu tư khang trang

- Kiến trúc nhà ở đô thị và nông thôn cũng chưa có bản sắc, chưa được quản lý xây dựng đồng bộ. Hình thái các công trình còn mang tính tự phát, chưa được quan tâm thiết kế tạo sự đồng bộ thống nhất về cảnh quan kiến trúc đô thị.

Đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV (Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)

Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Thị trấn Chợ Chu đã có quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 75-100% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế); ***đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.***

Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị: Hệ thống đường giao thông chính được nâng cấp cơ bản thuận lợi cho việc giao thông của người dân trên địa bàn. Tuy nhiên trên địa bàn thị trấn chưa có tuyến phố văn minh nào, tỷ lệ đạt 0,00% (Tiêu chuẩn đô thị loại IV từ 30-40%); ***đánh giá đạt 0,0/2,0 điểm.***

Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện: Trên địa bàn thị trấn Chợ Chu hiện đang triển khai các dự án khu nhà ở đầu giá, dự án quy hoạch khu TĐC, dự án khu nhà ở, thương mại dịch vụ theo Quy hoạch chung xây dựng đô thị nhằm tạo ra diện mạo mới văn minh, hiện đại cho đô thị (tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV từ 1-2 dự án); ***đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.***

Số lượng không gian công cộng của đô thị: Trên địa bàn thị trấn Chợ Chu có các không gian công cộng chính gồm: Hồ điều hòa và công viên cây xanh; Nhà Thiếu nhi; Trung tâm văn hóa - thể thao; Trung tâm học tập công đồng thị trấn Chợ Chu; nhà văn hóa của 12 tổ dân phố (tiêu chuẩn quy định đối với đô thị loại IV từ 2-4 khu); ***đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm***

Công trình kiến trúc tiêu biểu: Thị trấn Chợ Chu có nhiều di tích lịch sử nổi tiếng đã được xếp hạng. Hiện trạng có 02 công trình di sản quốc gia bao gồm: Di tích lịch sử Nhà tù Chợ Chu; Di tích lịch sử danh thắng Chùa Hang (tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV có 01 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận); ***đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm.***

Công trình xanh: Có từ 01- 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận; ***đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.***

Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh (tiêu chuẩn quy định đối với đô thị loại IV từ 1-2 khu) ***đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.***

2.2.6 Bảng tổng hợp đánh giá chất lượng đô thị và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV

Tiêu chí 1. Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

Bảng 1A. Nhóm tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò

Tiêu chuẩn theo loại đô thị	Vị trí, chức năng, vai trò	Điểm	Hiện trạng
IV	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện.	5,0	5,0
	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện hoặc vùng liên huyện.	3,75	

Bảng 1B. Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị		Hiện trạng	
			IV	Điểm	Đánh giá	Điểm
1	Cân đối thu chi ngân sách		Dư	2,0	Dư	2,0
			Đủ	1,5		
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	lần	\geq 1,05	2,0	0,79	2,0
			0,7	1,5		
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2,0		

			Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5	Đạt	1,5
4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	%	≥ 8,0 7,0	2,0 1,5	12,8	2,0
5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	lần	≥ 1,5 1,15	2,0 1,5	1,02	1,5
6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	< 4,0 5,0	2,0 1,5	3,9	2,0
7	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥ 1,4 1,0	1,0 0,75		

Tiêu chí 2. Quy mô dân số

Bảng 2. Nhóm tiêu chuẩn quy mô dân số

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị		Hiện trạng	
			IV	Điểm	Đánh giá	Điểm
1	Dân số toàn đô thị	1.000 người	≥ 100	2,0		
			50	1,5	18,468	0
2	Dân số khu vực nội thành, nội thị	1.000 người	≥ 50	6,0		
			20	4,5	13,746	4,5

Tiêu chí 3. Mật độ dân số

Bảng 3. Nhóm tiêu chuẩn mật độ dân số

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị		Hiện trạng	
			IV	Điểm	Đánh giá	Điểm
1	Mật độ dân số toàn đô thị*	người/km ²	≥ 1.400	2,0	1,32	2,0
			1,2	1,5		
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu	người/km ²	≥ 6.000	6,0	9,693	6,0

vực nội thành, nội thị, thị trấn**	4	4,5		
------------------------------------	---	-----	--	--

Tiêu chí 4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

Bảng 4. Nhóm tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị		Hiện trạng	
			IV*	Điểm	Đánh giá	Điểm
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	≥ 65	1,5	60,0	1,5
			55	1,0		
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	%	≥ 80	4,5	81,3	4,5
			70	3,5		

Tiêu chí 5. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

Bảng 5A. Nhóm tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thành, nội thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đơn vị		Hiện trạng	
			IV	Điểm	Đánh giá	Điểm
I	Về hạ tầng xã hội					
I.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở*					
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² sàn/người	≥ 32	1,0	24,86	1,0
			28,0	0,75		
2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố	%	≥ 90	1,0	99,3	1,0
			85	0,75		
* Đô thị loại IV thuộc danh mục đơn vị hành chính được cơ quan có thẩm quyền xác định là miền núi, vùng cao mức tối thiểu của các tiêu chuẩn khác bằng 70% mức quy định của loại đô tương ứng;						
I.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng*					
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	m ² /người	80	1,0	125	1,0
			50	0,75		
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị bình quân đầu người	m ² /người	≥ 4	1,0		
			3	0,75		

4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	giường/10.000 dân	≥ 30	1,0	119,12	1,0
			25	0,75		
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	cơ sở	≥ 5	1,0		
			2	0,75	2	0,75
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	≥ 4	1,0	5	1,0
			2	0,75		
7	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	công trình	≥ 3	1,0	7	1,0
			2	0,75		
8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	công trình	≥ 4	1,0	4	1,0
			2	0,75		
* Trường hợp đô thị có khu vực dự trữ xây dựng bệnh viện dã chiến chống dịch bệnh, thiên tai thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về công trình công cộng không vượt quá 8 điểm.						
II	Về hạ tầng kỹ thuật					
II.1	Các tiêu chuẩn về giao thông*					
1	Công trình đầu mối giao thông	cấp	Vùng tỉnh	1,0		
			Vùng liên huyện	0,75	Vùng liên huyện	0,75
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	≥ 17	1,0		
			12	0,75	8,76	0,75
3	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km ²	≥ 6	2,0	10,06	2,0
			5	1,5		
4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	m ² /người	≥ 9	1,0	15,18	1,0
			7	0,75		
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 5	1,0		
			3	0,75	2	0

* Trường hợp đô thị có đề án, dự án đầu tư chống ùn tắc giao thông, triển khai thực hiện hiệu quả thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về giao thông không vượt quá 6 điểm.						
** Trường hợp đô thị có hệ thống phương tiện giao thông công cộng dùng nhiên liệu sạch, hạn chế phát thải khí nhà kính hoặc sử dụng hệ thống xe đạp chia sẻ thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về giao thông không vượt quá 6 điểm.						
II.2	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng*					
1	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/n gười	\geq 1.000	1,0	1,166	1,0
		/năm	400	0,75		
2	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	%	\geq 95	1,0	100	1,0
			90	0,75		
3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	%	\geq 70	1,0		
			50	0,75	48	0
* Trường hợp đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II có từ 50%, đô thị loại III, loại IV và loại V có từ 30% đường chính đô thị được lắp đặt thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, thông minh thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm tối đa của các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng không vượt quá 3 điểm.						
** Trường hợp đô thị có tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt từ 15% trở lên thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm tối đa của các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng không vượt quá 3 điểm.						
II.3	Các tiêu chuẩn về cấp nước*					
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/ngư ời/ngà y đêm	\geq 120	1,0		
			100	0,75	61	0
2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	\geq 95	1,0		
			90	0,75	85	0
* Trường hợp đô thị có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về cấp nước không vượt quá 2 điểm.						
II.4	Các tiêu chuẩn đánh giá về viễn thông, công					

	nghệ thông tin*						
1	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Số thuê bao/100 dân	100	1,0			
			75	0,75	52,46	0,75	
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	100	1,0			
			65	0,75	48,8	0,75	
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	≥ 60	1,0			
			25	0,75	35,15	0,75	
* Trường hợp đô thị có đề án đô thị thông minh để quản lý một trong số các lĩnh vực giao thông, trật tự xây dựng, y tế, giáo dục, du lịch, kiểm soát thiên tai, triều cường, bão lũ thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn đánh giá về viễn thông, công nghệ thông tin không vượt quá 3 điểm.							
III	Về vệ sinh môi trường						
III.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước và chống ngập úng*						
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/k m ²	≥ 3,5	2,0			
			3	1,5	1,92	0	
2	Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục	%	≥ 20	1,0			1,0
			10	0,75			
* Trường hợp đô thị có triển khai xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng biệt, có thực hiện chương trình nạo vét sông, hồ, kênh, rạch,... trong đô thị thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước và chống ngập úng không vượt quá 3 điểm.							
III.2	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải*						
1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 30	2,0			
			15	1,5	0	0	
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 85	1,0	100		1,0
			70	0,75			
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	1,0	90		1,0
			80	0,75			
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt	%	≥ 70	1,0	60		1,0

	được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường		65	0,75		
* Trường hợp đô thị có triển khai thực hiện hiệu quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải không vượt quá 5 điểm.						
III.3	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ và hỏa táng*					
1	Nhà tang lễ	cơ sở	≥ 2	1,0		
			1	0,75	0	0
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥ 10	1,0		
			5	0,75	7	0,75
* Trường hợp đô thị có nghĩa trang tập trung được đầu tư xây dựng theo quy hoạch hoặc có khu vực dự trữ dự kiến để xây dựng nghĩa trang thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về nhà tang lễ và hỏa táng không vượt quá 2 điểm.						
III.4	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị*					
1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m ² /người	≥ 8	2,0		
			6	1,5	4,82	0
2	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	2,0		
			4	1,5	3,03	0
* Trường hợp khu vực nội thành, nội thị dành tối thiểu 20% quỹ đất để phát triển không gian xanh, bao gồm hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, sông, hồ, ao, không gian mở ven mặt nước, công viên, vườn hoa trong đô thị, cây xanh trong các khu đô thị, cây xanh trong công trình công cộng, taluy, kè sông, kênh, rạch (nếu có) được phủ xanh thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị không vượt quá 4 điểm.						
IV	Về kiến trúc, cảnh quan đô thị*					
1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	quy chế		2,0	Có	2,0
				1,5		
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥ 40	2,0		
			30	1,5	0	0
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến	dự án	≥ 2	2,0	14	2,0

	đôi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện		1	1,5		
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	≥ 4	2,0	4	2,0
			2	1,5		
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	công trình		2,0	Có	2,0
				1,5		
6	Công trình xanh	công trình		1,0		
				0,75	0	0
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	khu	≥ 2	1,0		
			1	0,75	0	0
* Trường hợp đô thị có di sản văn hóa vật thể và thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận thì được cộng 1,0 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị không vượt quá 12 điểm.						

2.2. Khái quát những vấn đề tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển đô thị. Nêu các phương hướng phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và kế hoạch phát triển đô thị theo các chương trình phát triển đô thị. Phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh và các dự án đang triển khai có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung đô thị.

2.2.1 Những vấn đề còn tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển đô thị.

Theo rà soát, thị trấn Chợ Chu hiện đạt 3/5 tiêu chí của đô thị loại IV, các tiêu chí chưa đạt là: Quy mô dân số; trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị.

- Những vấn đề còn tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển đô thị cụ thể:
 - + Thiếu hấp dẫn đầu tư. Thiếu một chiến lược phát triển đô thị để tạo môi trường đầu tư hấp dẫn.
 - + Đô thị phát triển chưa theo kịp quy mô dự báo được phê duyệt năm 2018, chưa được phát triển một cách đồng bộ.
 - + Quy mô dân số đô thị, tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị;

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ về cấp thoát nước, thu gom và xử lý rác thải, cấp điện; chưa đáp ứng được quá trình và nhu cầu phát triển mở rộng đô thị, hệ thống giao thông công cộng chưa phát triển mạnh.

+ Tốc độ đầu tư phát triển các dự án đô thị và khu chức năng còn chậm.

2.2.2 Các phương hướng phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và kế hoạch phát triển đô thị theo các chương trình phát triển đô thị.

a. Các phương hướng phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng.

Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 17/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch vùng ATK liên tỉnh Thái Nguyên – Tuyên Quang – Bắc Kạn đến năm 2030; Trong đó định hướng phát triển của Thị trấn Chợ Chu là trung tâm đô thị cấp khu vực trong vùng ATK với chức năng hỗ trợ về dịch vụ du lịch, đầu mối về quảng bá, đào tạo, sản xuất nông lâm nghiệp phục vụ cho phát triển du lịch và bảo tồn. Thị trấn Chợ Chu là đô thị du lịch.

Quy hoạch vùng liên huyện phía Bắc theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó Thị trấn Chợ Chu nói riêng và toàn bộ huyện Định Hóa nói chung thuộc tiểu vùng II: Tiểu vùng du lịch, sinh thái.

Tiểu vùng II bao gồm toàn bộ huyện Định Hóa và xã Ôn Lương, Hợp Thành, Phú Lý thuộc huyện Phú Lương. Tiểu vùng tập trung phát triển du lịch và dịch vụ, khai thác du lịch về nguồn, nghỉ dưỡng, sinh thái, tâm linh...

Sản phẩm du lịch về nguồn trong tiểu vùng này gắn với văn hóa trà kết hợp với giáo dục trải nghiệm: Khai thác giá trị của di tích quốc gia đặc biệt ATK Định Hoá với các điểm tham quan như: nhà tù Chợ Chu (thị trấn Chợ Chu)

b. Kế hoạch phát triển đô thị theo các chương trình phát triển đô thị.

Giai đoạn 2021-2025: Đầu tư, phát triển thị trấn Chợ Chu và khắc phục các chỉ tiêu chưa đạt của đô thị loại IV. Năm 2025: Nâng loại thị trấn Chợ Chu lên đô thị loại IV;

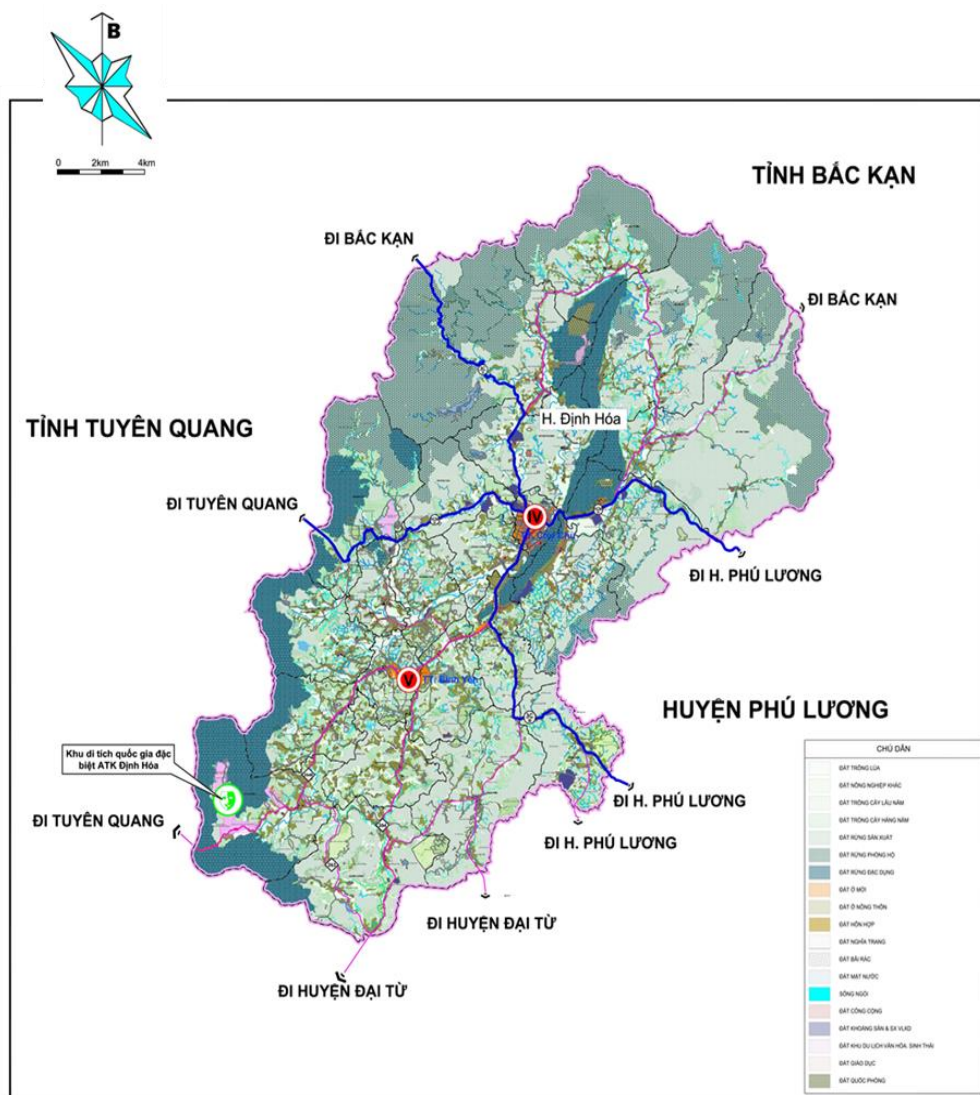
Tiến hành lập Quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, xây dựng mới các khu chức năng đô thị.

Tập trung các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng trọng điểm trên địa bàn.

2.2.3 Phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh và các dự án đang triển khai có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung đô thị.

a. Phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh

Quy hoạch cấu trúc tối ưu hóa tổ chức không gian trong huyện để đáp ứng với sự gia tăng dân số và kinh tế trong vài thập kỷ tới. Do đó, quy hoạch cấu trúc của Định Hóa chủ yếu được chia thành ba trục chính để ứng biến sự kết nối và lưu chuyển thông suốt với huyện cũng như với tỉnh lớn hơn. Các kết nối được lên kế hoạch và phân loại dựa trên ba chức năng chính bổ sung cho nền kinh tế tổng thể. Sau khi xác định ba khu vực trọng tâm là trung tâm đô thị, khu công nghiệp và khu du lịch, trục không gian kinh tế chính được quy hoạch để tập trung kết nối các trung tâm đô thị trọng điểm. Trục Bắc Nam nối thị trấn Chợ Chu và thị trấn mới Bình Yên với Bắc Kạn về phía Bắc và Phú Lương, Thái Nguyên về phía Đông Nam. Theo trục Đông Tây nhằm kết nối trung tâm thị trấn Chợ Chu với tỉnh Tuyên Quang và huyện Phú Lương.



Hình: Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa

Huyện Định Hóa là một vùng kinh tế du lịch và văn hóa, điều cốt yếu là phải kết nối các vùng du lịch thông qua một lớp mạng lưới đặc biệt để tăng cường kết nối và thúc đẩy nền kinh tế. Do đó, trục kinh tế du lịch nhằm kết nối các khu vực du lịch khác

nhau trong huyện, bổ sung cho các mạng lưới khác nhằm tạo ra một luồng di chuyển thông suốt.

b. Các dự án đang triển khai có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung đô thị.

- Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;
- Các dự án đầu tư xây dựng, các đồ án quy hoạch, các tài liệu, văn bản và số liệu điều tra có liên quan;
- Các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch liên quan và các dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp, các khu khai thác chế biến khoáng sản; các khu di tích lịch sử, văn hóa, các khu du lịch v.v...;

I	Danh mục Quy hoạch
1	Điều chỉnh quy hoạch, mở rộng địa giới hành chính Chợ Chu theo QĐ số 419/QĐ-TTg ngày 17/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ
2	Quy hoạch huyện Định Hóa theo QĐ số 419/QĐ-TTg ngày 17/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân Chợ Chu, huyện Định Hóa
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch lịch sử, sinh thái liên hoàn Chùa Hang - Nhà tù Chợ Chu - Hồ Bảo Linh huyện Định Hóa
5	Quy hoạch chi tiết Khu dân cư xóm Đồng Mản, xã Bảo Cường, huyện Định Hóa
6	Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí Nông thôn mới kiểu mẫu xã Bảo Cường, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
7	Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Tân Dương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên
8	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

9	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư xóm Dốc Châu, xóm Trường thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa thuộc dự án: Xây dựng khu tái định cư thuộc tiểu dự án GPMB và TĐC dự án đường Hồ Chí Minh đoạn qua địa phận tỉnh Thái Nguyên
II	Danh mục Dự án
1	Lập BCKTKT công trình: Xây dựng hạ tầng sân lễ hội và công viên cây xanh thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa
2	Lập BCKTKT Hoàn trả đường dân sinh xóm Nản Trên, thị trấn Chợ Chu
3	Công viên cây xanh kết hợp đô thị hai bên bờ sông Chu, huyện Định Hóa
4	Chỉnh trang đô thị, xây dựng tuyến phố văn minh tại thị trấn Chợ Chu
5	Hệ thống thoát nước, chống ngập khu trung tâm huyện Định Hóa
6	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Định Hóa (Giai đoạn 2)
7	Cầu vượt sông Chu sang khu lễ hội Chùa Hang
8	Hồ điều hòa trung tâm thị trấn Chợ Chu
9	Đường tránh nội thị thị trấn Chợ Chu
10	Nhà máy nước, cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt tại thị trấn Chợ Chu
11	Dự án nhà máy may Thagaco huyện Định Hóa
12	Dự án nhà máy chế biến tinh dầu quế huyện Định Hóa
13	02 Dự án khu dân cư đô thị thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa
14	Kè chống xói lở bờ sông Chu (Đoạn từ cầu Nà Linh đến tràn Tân Dương)

III. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

3.1 Tính chất.

Thị trấn Chợ Chu là thị trấn huyện lỵ của huyện Định Hóa. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, dịch vụ của huyện Định Hóa; là cửa ngõ quan trọng của huyện giao lưu với thành phố Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang.

3.2 Động lực phát triển.

3.2.1 Tiềm năng phát triển du lịch

Với lợi thế là một trong các trung tâm cấp đô thị trong vùng ATK , thị trấn Chợ Chu nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên. Sự phát triển kinh tế của thị trấn Chợ Chu và huyện Định Hóa dự kiến sẽ được thúc đẩy bởi lĩnh vực du lịch, nông nghiệp và lâm nghiệp. Sự phát triển du lịch sẽ tập trung vào “du lịch sinh thái và văn hóa” tận dụng tài sản rừng tự nhiên của huyện. Du lịch văn hóa sẽ được thúc đẩy xung quanh các di tích ATK như một di sản quan trọng của huyện.

- *Các sản phẩm du lịch chính:*

+ Du lịch sinh thái.

+ Du lịch văn hóa danh lam thắng cảnh kết hợp với du lịch tâm linh.

+ Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền quảng bá về ngành du lịch của huyện.

3.2.2 Tiềm năng phát triển nông nghiệp và nông thôn

Với việc sáp nhập xã Bảo Cường về thị trấn Chợ Chu, tiềm năng phát triển nông – lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch và bảo vệ môi trường, phát triển nông nghiệp sinh thái có giá trị kinh tế cao.

Đẩy mạnh trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; kết hợp khoanh nuôi với bảo vệ tái sinh rừng nhằm giảm tác động thiên tai, cải thiện môi trường và cảnh quan đô thị.

3.2.3 Tiềm năng phát triển giáo dục chuyên nghiệp

Việc hình thành trong tương lai một trường đại học chuyên ngành Văn hóa du lịch Tây Bắc tại thị trấn Chợ Chu sẽ góp phần thu hút dân cư về sinh sống và làm việc tại thị trấn góp phần nâng cao trình độ nhận thức của người dân.

3.2 Vai trò của thị trấn Chợ Chu đối với vùng và tỉnh.

Vị trí là trung tâm đô thị cấp khu vực trong vùng ATK với các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hóa lịch sử, thị trấn Chợ Chu có vai trò quan trọng đối với vùng ATK cũng như vùng phía Bắc tỉnh Thái Nguyên.

1. Là thị trấn huyện lỵ của huyện Định Hóa nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên. Có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, bảo tồn văn hoá- lịch sử của cộng đồng các dân tộc của khu vực quy hoạch.

2. Là một trong các trung tâm du lịch gắn với các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng như du lịch về nguồn, nơi có căn cứ chính trị ATK Định Hóa là di tích lịch sử quốc gia đặc biệt;
3. Là đầu mối giao thông của tiểu vùng II, vùng liên huyện phía Bắc. Trục Bắc Nam nối thị trấn Chợ Chu và thị trấn mới Bình Yên với Bắc Kạn về phía Bắc và Phú Lương, Thái Nguyên về phía Đông Nam. Theo trục Đông Tây nhằm kết nối trung tâm thị trấn Chợ Chu với tỉnh Tuyên Quang và huyện Phú Lương.
4. Mối liên kết vùng của Thị trấn Chợ Chu; Liên kết với huyện Chợ Đồn qua QL.3C, tương lai có thể trở thành tuyến khai thác khách du lịch từ huyện Ba Bể và Chợ Đồn. Đồng thời là tuyến vận tải hàng hóa cho khu vực; Liên kết với huyện Chợ Mới – Bắc Kạn, Tỉnh Tuyên Quang qua đường Hồ Chí Minh; tương lai có thể phát triển khai thác khách du lịch và vận tải hàng hóa.

3.3 Quan điểm quy hoạch

- Việc lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chu nhằm triển khai thực hiện các chủ trương: Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính Phủ; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 17/10/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Thái Nguyên về tăng cường công tác quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, các nghị quyết của địa phương...

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thái Nguyên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 đã xác định thị trấn Chợ Chu với định hướng là đô thị loại IV vào năm 2025. Thị trấn Chợ Chu là thị trấn huyện lỵ của huyện Định Hóa. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, dịch vụ của huyện Định Hóa; là cửa ngõ quan trọng của huyện giao lưu với TP Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang. Hướng phát triển không gian: Lấy khu vực trung tâm thị trấn hiện tại làm trọng tâm xây dựng không gian đô thị, hướng phát triển dọc theo QL3C về phía Nam và phía Tây khu vực trung tâm thị trấn.

- Đảm bảo tính kế thừa, không ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư đang triển khai.

- Đảm bảo quốc phòng-an ninh.

3.4 Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá các chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch vùng huyện; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035.

Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chu đạt các chỉ tiêu về quy mô diện tích, dân số, hoàn thành các tiêu chí đô thị loại IV; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh, quốc phòng và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương;

- Quy hoạch sử dụng đất đai, tài nguyên hợp lý; xác định khung kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; làm cơ sở để xác định các dự án để quản lý, thu hút đầu tư phát triển du lịch, kinh tế xã hội của địa phương. Rà soát, khớp nối các dự án đầu tư có liên quan;

- Thúc đẩy quá trình đô thị hóa, tạo động lực thúc đẩy phát triển vai trò đô thị gắn với tuyến giao thông giữa các cửa khẩu; tạo nguồn lực phát triển kinh tế cho huyện Định Hóa về thu hút đầu tư, thương mại dịch vụ;

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý quy hoạch xây dựng đô thị; lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong đô thị; phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu các tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an sinh xã hội của quá trình phát triển đô thị; đảm bảo an ninh quốc phòng với phát triển kinh tế xã hội.

3.5 Xác định sơ bộ những vấn đề chính cần giải quyết trong quy hoạch

3.5.1 Định hướng phát triển không gian

- Thị trấn Chợ Chu là thị trấn huyện lỵ của huyện Định Hóa. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, dịch vụ của huyện Định Hóa; là cửa ngõ quan trọng của huyện giao lưu với TP Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang. Hướng phát triển không gian: Lấy khu vực trung tâm thị trấn hiện tại làm trọng tâm xây dựng không gian đô thị, hướng phát triển dọc theo QL3C về phía Nam và phía Tây khu vực trung tâm thị trấn.

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Với việc sáp nhập xã Bảo Cường về thị trấn Chợ Chu, điều chỉnh tổng thể không gian toàn thị trấn, phân định không gian hiện hữu giữ nguyên hiện trạng, không gian cải tạo chỉnh trang và không gian phát triển đô thị mới;

- Điều chỉnh các khu chức năng: Không gian công cộng, cây xanh, không gian mở phù hợp với định hướng phát triển của thị trấn; không gian hạ tầng xã hội-hạ tầng kỹ thuật;

- Điều chỉnh cập nhật các không gian sản xuất (Nông – lâm nghiệp; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề) theo các chương trình dự án, quy hoạch được phê duyệt trước thời điểm lập điều chỉnh quy hoạch chung phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của thị trấn.

3.5.2 Quy hoạch sử dụng đất.

- Điều chỉnh và cập nhật các quỹ đất ở phù hợp với các dự án và quy hoạch chi tiết được duyệt, phù hợp với hiện trạng dân cư đang sinh sống .

- Điều chỉnh các khu chức năng công cộng không còn phù hợp với thực tế sử dụng đất và định hướng phát triển đô thị.

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung các khu vực dự kiến bố trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Nhà tang lễ.....

3.5.3 Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông: Tập trung cải tạo và nâng cấp mạng lưới giao thông chính thuộc khu vực nội thị, Cập nhật quy hoạch giao thông theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở đó tiếp tục triển khai mở rộng mạng lưới giao thông chính ra các khu vực phụ cận để phát triển mới các khu chức năng và các tiện ích xã hội.

- hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác (san nền, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, thoát nước và vệ sinh môi trường) được điều chỉnh theo sự thay đổi của hệ thống giao thông và các khu chức năng;

IV. DỰ BÁO SƠ BỘ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, DÂN SỐ, LAO ĐỘNG, NGHỀ NGHIỆP, ĐẤT ĐAI PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT.

4.1 Dự báo sơ bộ về phát triển kinh tế - xã hội

Sự phát triển kinh tế của thị trấn Chợ Chu và huyện Định Hóa dự kiến sẽ được thúc đẩy bởi lĩnh vực du lịch, nông nghiệp và lâm nghiệp. Sự phát triển du lịch sẽ tập trung vào “du lịch sinh thái và văn hóa” tận dụng tài sản rừng tự nhiên của huyện. Du lịch văn hóa sẽ được thúc đẩy xung quanh các di tích ATK như một di sản quan trọng của huyện Định Hóa

4.2 Quy mô dân số, lao động

4.2.1 Dân số.

Dự báo dân số tăng tự nhiên:

Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	năm 2040
xã Bảo Cường	3913	4027	4064	4722	5363
TT Chợ Chu	6525	6627	6695	6746	7780
Tổng cộng					13143

- Tỷ lệ tăng tự nhiên của Thị trấn Chợ Chu giai đoạn 2021-2040 là 0,71%/năm.

- Dự báo đến năm 2040 khoảng **13.143** người. (Quy mô dân số sẽ được tính cụ thể trong quá trình triển khai lập quy hoạch). Phù hợp với quy hoạch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Dự báo tăng dân số cơ học dự kiến:

Ngoài tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, dân số cơ học là thành phần chính dẫn đến quy mô dân số tăng cao của khu vực đô thị. Cơ sở tăng dân số cơ học do sự dịch chuyển dân cư từ các khu vực khác trong quá trình đô thị hóa với tỷ lệ đô thị hóa tăng 19,4% đến năm 2040; Đồng thời, kinh tế phát triển nhanh hơn, đặc biệt là khi cụm công nghiệp lớn trên địa bàn Huyện được lấp đầy và đi vào hoạt động sẽ thu hút nguồn lao động từ ngoài vào nhiều hơn nên tỷ lệ tăng cơ học cao hơn. Ngoài ra, dự báo về lượng khách du lịch đến lưu trú cũng góp phần tăng dân số.

Qua tính toán và qua các nhận định về tình hình phát triển đô thị như trên, dự báo dân số cơ học thị trấn Chợ Chu như sau:

+ Hiện trạng năm 2022: theo số liệu thống kê có khoảng 7000 người.

+ Dự báo đến năm 2040: dân số cơ học tăng khoảng **11,656** người.

Tổng số dân dự báo đến năm 2040: khoảng **24.799** người (Quy mô dân số sẽ được tính cụ thể trong quá trình triển khai lập quy hoạch)

4.2.2 Lao động.

- Để đảm bảo chuyên dịch cơ cấu lao động đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn Chợ Chu. Nhu cầu lao động được tính toán trên cơ sở thực trạng lao động cũng như các định hướng, mục tiêu, đặc biệt là các dự báo phát triển dịch vụ - du lịch.

- Lao động nông – lâm nghiệp: Do mở rộng ranh giới đô thị hóa xã Bảo Cường của khu vực nội thị và các ngành kinh tế phát triển nên lực lượng lao động hiện nay một phần sẽ chuyển sang lao động phi nông nghiệp. Do vậy số lao động nông nghiệp toàn thị trấn khoảng **2610** người

- Lao động dịch vụ thương mại: được dự báo theo phương pháp ngoại suy có tính đến dự án các khu du lịch, trung tâm thương mại, siêu thị, đào tạo nghề và dịch vụ du lịch. Số lao động phi nông nghiệp toàn thị trấn khoảng **4850** người;

4.3 Đất phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn và hạ tầng kỹ thuật

4.3.1 Đất phát triển đô thị

Dự báo các chỉ tiêu sử dụng đất:

- + Đất đơn vị ở tối đa 55m²/người;
- + Đất dân dụng bình quân tối đa 80m²/ người;
- + Đất công trình công cộng cấp đô thị $\geq 3,5$ m²/người;
- + Đất cây xanh TDDT đô thị ≥ 9 m²/người;

Quy đất xây dựng đô thị được xác định trên cơ sở mở rộng nội thị ra xã Bảo Cường về phía Nam, Tây Nam do thuận lợi về điều kiện tự nhiên và quỹ đất xây dựng đô thị, dự báo đến năm 2040 sẽ mở rộng khoảng 250-300 ha đất xây dựng đô thị để thành lập thêm tổ dân phố.

Phát triển đô thị theo các trục giao thông chính mới theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Giữ nguyên vị trí các công trình hành chính, chỉnh trang và mở rộng quy mô các công trình trụ sở, các công trình dịch vụ đô thị đạt chỉ tiêu theo quy chuẩn đô thị loại IV.

4.3.2 Đất phát triển du lịch, khu dân cư nông thôn

Trên cơ sở kết nối các tuyến giao thông đối ngoại với trục chính đô thị, khu vực còn lại của xã Bảo Cường phát triển theo quy hoạch nông thôn mới phù hợp với quy hoạch không gian thị trấn Chợ Chu.

Phát triển du lịch tâm linh khu vực núi Nản với di tích Chùa Hang, di tích lịch sử ATK nhà tù Chợ Chu.....

4.3.3 Nhu cầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Bổ sung hệ thống hạ tầng xã hội của thị trấn nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân cũng như tiêu chí lên đô thị loại IV. Cần bổ sung thêm hệ thống không gian mở, công viên cây xanh...

Cần có đầu tư hạ tầng khung về hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị cũng như yếu tố thẩm mỹ của đô thị.

V. YÊU CẦU KHI TRIỂN KHAI LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

5.1. Yêu cầu đối với việc thu thập tài liệu

- Các tài liệu thu thập phục vụ thiết kế quy hoạch phải là các nguồn tài liệu chính thống được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam.

- Tùy tình hình và điều kiện cụ thể của địa phương sẽ điều tra, thu thập các tài liệu, số liệu liên quan đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên, kinh tế xã hội, hiện trạng sử dụng đất đai... phục vụ quy hoạch sử dụng đất đai như:

+ Các số liệu về đặc điểm điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, cảnh quan, môi trường sinh thái trên địa bàn quy hoạch.

+ Tài liệu về tình hình phát triển kinh tế xã hội trong những năm qua.

+ Các nghị quyết (của cơ quan Đảng, UBND, HĐND các cấp) liên quan đến các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong những năm sắp tới.

+ Số liệu về sử dụng đất đai (theo các mẫu thống kê do Tổng cục địa chính quy định) trong 5-15 năm qua.

+ Định mức sử dụng và giá đất hiện hành của địa phương.

+ Các tài liệu số liệu về chất lượng đất đai: đặc tính đất đai, đánh giá phân hạng đất, mức độ rửa trôi, xói mòn đất, độ nhiễm mặn, nhiễm phèn, úng ngập, hạn hán,...

+ Các tài liệu số liệu có liên quan tới quy hoạch.

+ Các tài liệu bản đồ hiện có phục vụ quy hoạch sử dụng đất đai như: bản đồ nền địa hình, bản đồ đất, bản đồ độ dốc, bản đồ tài nguyên nước, bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai, các loại bản đồ quy hoạch đã làm trước đây và các tài liệu bản đồ khác có liên quan,...

+ Yêu cầu tỷ lệ bản đồ phải tương ứng với bản vẽ quy định tại nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt (Bản đồ tỷ lệ 1/5.000 cho toàn bộ khu vực quy hoạch).

+ Đo vẽ, cập nhật bản đồ địa hình; biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; cập nhật hiện trạng đầu tư xây dựng, hiện trạng đô thị, dân cư trong khu vực quy hoạch đô thị.

+ Biên tập bản đồ địa hình, địa chính toàn bộ thị trấn trong phạm vi quy hoạch trên nền kế thừa bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa (sử dụng đất) đã được thể hiện trong các chương trình sử dụng nguồn vốn ngân sách trước đây trong khu vực xây dựng đô thị.

+ Cần kế thừa hệ thống các dữ liệu bản đồ, khảo sát địa hình hiện có theo tỷ lệ thích hợp nhằm chiết giảm và tiết kiệm chi phí.

+ Các thông tin tư liệu được phân loại và đánh giá; xác định rõ nguồn gốc đơn vị, phương pháp năm xây dựng tài liệu, chất lượng tài liệu, nội dung và độ tin cậy của thông tin tài liệu,... Trên cơ sở kết quả nội nghiệp sẽ xây dựng kế hoạch công tác ngoại nghiệp (xác định cụ thể các vấn đề, địa điểm và kế hoạch kiểm tra, khảo sát tại thực địa để chỉnh lý bổ sung).

5.2 Yêu cầu về nội dung chính của quy hoạch chung đô thị.

5.2.1 Về điều kiện tự nhiên và hiện trạng đô thị

a. Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng

Thu thập tài liệu, số liệu, điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên của thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường (về địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thủy lợi, địa chất công trình), nét đặc thù về văn hóa, lịch sử, cảnh quan, kinh tế Qua đó phân tích, đánh giá thuận lợi và những khó khăn cần phải khuyến khích hoặc hạn chế, xử lý trong đồ án quy hoạch phân khu.

Thu thập các số liệu về khí tượng thủy văn, nhằm nghiên cứu giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

Nhận định các kết quả phân tích nêu trên, từ đó đề xuất các vấn đề cần phải giải quyết trong quy hoạch và phát huy các ưu điểm tự nhiên của đô thị, từ đó xác định các khu vực có tiềm năng về tự nhiên, có thể khai thác tạo động lực phát triển kinh tế, đô thị.

b. Về dân cư, văn hóa, kinh tế - xã hội:

Thu thập số liệu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội thị trấn Chợ Chu. Mức độ phát triển kinh tế, khả năng tăng trưởng, thu hút nguồn nhân lực, nguồn vốn đầu tư, các hoạt động sản xuất, đời sống của dân cư.

Điều tra khảo sát về dân cư, lao động, đặc thù văn hóa. Từ đó nhận xét các vấn đề tồn tại (tích cực hoặc tiêu cực) của dân cư tác động đến định hướng phát triển đô thị.

Tổ chức điều tra xã hội học các vấn đề liên quan đến dân cư để làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp quy hoạch mang tính khả thi cao.

Nghiên cứu tập quán - văn hóa - tín ngưỡng để từ đó nhận định những ảnh hưởng, tác động của môi trường văn hóa, lịch sử tới quá trình phát triển kinh tế,

văn hóa và đời sống của cư dân khu vực. Dùng phương pháp thu thập, tổng hợp, so sánh và phân tích để lựa chọn các số liệu cần thiết liên quan đến công tác lập quy hoạch..

c. Hiện trạng về sử dụng đất, hạ tầng và kiến trúc cảnh quan:

Thông kê, đánh giá tình hình sử dụng đất khu vực lập quy hoạch theo các chức năng như: công cộng, thương mại - dịch vụ, nhà ở, công viên cây xanh, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các khu dân cư hiện hữu,... Thông kê sử dụng đất, nhận xét đánh giá các vấn đề tồn tại về sử dụng đất cần giải quyết. Đánh giá chi tiết về quỹ đất xây dựng (đã sử dụng, chưa sử dụng) trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng.

Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, đưa ra kết quả mà đồ án quy hoạch cần phải bổ sung, hoàn thiện đầy đủ cho đô thị theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch đô thị cấp trên cũng như chương trình khác có liên quan (chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở,...).

Những vấn đề về môi trường và những vùng dễ bị tác động, những khuyến cáo về tình hình ô nhiễm, suy thoái môi trường; xác định các nội dung bảo vệ môi trường mà quy hoạch cần giải quyết.

Đánh giá hiện trạng kiến trúc cảnh quan và chất lượng không gian đô thị. Qua đó đưa ra phương án khắc phục trong giải pháp quy hoạch điều chỉnh

d. Các dự án, chương trình đang triển khai:

Thông kê các đồ án xác định các nội dung định hướng của các đồ án liên quan đến thị trấn Chợ Chu, xã Bảo Cường với các khu vực khác .

Thực hiện công tác rà soát quy hoạch xây dựng để có đánh giá từ đó đề xuất những phương án giải quyết.

Tổng hợp đánh giá các dự án, chương trình đã và đang thực hiện liên quan đến thị trấn Chợ Chu, từ đó xác định các cơ sở kế thừa, tiếp nối và các vấn đề cần bổ sung, thực hiện trong giai đoạn tới.

e. Đánh giá tổng quan đô thị:

Tổng hợp các vấn đề hiện trạng, lập phân tích về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.

Nhận diện hình thái đô thị, quy luật phát triển qua các giai đoạn. Từ đó xác định những nét đặc thù cần phải được ghi nhận và lưu giữ dài lâu, đề xuất toàn diện các vấn đề cần giải quyết và các ưu điểm cần phải khai thác.

Đề xuất toàn diện các vấn đề cần giải quyết và các ưu điểm cần phải khai thác làm cơ sở cho phương án điều chỉnh hướng đến xây dựng đô thị Chợ Chu phát

triển hài hòa và bền vững theo định hướng phát triển tổng thể kinh tế - xã hội đã được phê duyệt.

5.2.2. Các yêu cầu về tổ chức không gian

a. Tổ chức không gian:

- Hướng phát triển không gian: Lấy khu vực trung tâm thị trấn hiện tại làm trọng tâm xây dựng không gian đô thị, hướng phát triển dọc theo QL3C về phía Nam và phía Tây khu vực trung tâm thị trấn

- Triển khai cụ thể các định hướng về sử dụng đất và phát triển không gian thị trấn Chợ Chu.

- Xác lập cấu trúc đô thị rõ ràng để được nhận diện thông qua các khu chức năng, hệ thống hạ tầng khung, không gian công cộng và các công trình điểm nhấn. Kế thừa và xác định sự phát triển của hình thái đô thị trong quá trình phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch chung và bối cảnh mới.

- Trên cơ sở đánh giá hiện trạng, xác định rõ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật khung. Đảm bảo tuân thủ: tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành;

- Nguyên tắc tổ chức không gian: (1) tận dụng địa hình tự nhiên, (2) Phát huy và làm nổi bật giá trị cảnh quan sông nước, văn hóa, lịch sử - là các vấn đề cốt lõi của bản sắc đô thị, (3) Sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, (4) Kế thừa và khớp nối các dự án đã và đang triển khai trong phạm vi liên kề về mặt không gian. Hướng đến mục tiêu làm nổi bật giá trị của đô thị bên Sông Chu

b. Phân khu chức năng

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quy hoạch sử dụng đất đảm bảo đáp ứng linh hoạt và năng động cho nhu cầu phát triển của đô thị. Đề xuất các khu vực tái phát triển đô thị theo từng phân kỳ đầu tư, định hướng các phương án sử dụng đất thay thế cho từng thời kỳ phát triển của đô thị nhằm đạt giá trị sử dụng đất cao nhất.

- Phân khu chức năng phù hợp, đặc biệt quan tâm đến việc tạo lập các không gian cảnh quan xanh xen kẽ các không gian thương mại - dịch vụ - tiện ích đô thị, các tuyến xương sống đô thị và đầu mối giao thông, khu vực cửa ngõ, khu giáo dục đào tạo tập trung và đô thị - dịch vụ kèm theo.

- Xác định cũng như xây dựng mối quan hệ tương hỗ giữa các khu chức năng đô thị (Khu trung tâm đào tạo giáo dục, Khu ở sinh thái vườn, Khu tiểu thủ công nghiệp,...); Đảm bảo tính hệ thống, hiệu quả, linh hoạt và bền vững cho từng khu, tuân theo cấu trúc chiến lược phát triển chung của thị trấn. Gắn việc hoàn thiện từng khu chức năng đô thị với kế hoạch đầu tư phát triển, khu vực phát triển đô thị và mô hình quản lý từng khu vực phù hợp với đặc thù của địa phương.

- Xác định cấu trúc, quy mô, đặc thù không gian đô thị của từng khu chức năng. Đưa ra công cụ quản lý, đánh giá chức năng công trình để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất chính bao gồm quy mô, diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao xây dựng, tỷ lệ cây xanh, diện tích sàn,... cho các lô đất xây dựng theo các khu chức năng. Kịp thời dự báo và định hướng giãn dân phù hợp để đảm bảo năng lực phục vụ của hệ thống.

- Gắn việc quản lý, phát triển các khu chức năng với tài chính đô thị là công cụ và động lực chính, cải tạo và tái thiết đô thị đúng với định hướng lâu dài trong phát triển đô thị của thị trấn.

c. Kiến trúc, thiết kế đô thị

Đề xuất nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan giữa khu vực hiện hữu và khu vực quy hoạch, các công trình điểm nhấn, các trục đường chính. Tạo nên sắc thái kiến trúc riêng phù hợp với đặc trưng văn hóa của khu vực và địa phương, tạo môi trường sống tiện ích và tiện nghi cho người sử dụng.

d. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội:

Cung cấp đầy đủ hạ tầng xã hội đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại IV như nhà ở, dịch vụ, thông tin, giáo dục, chăm sóc y tế, công cộng, việc làm... cho 100% người dân đô thị, 90% cho người dân nông thôn.

e. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại trên cơ sở nâng cấp, kết nối thuận lợi với hệ thống hiện có của đô thị. Phân đợt xây dựng hợp lý, nhằm đáp ứng những nhu cầu phát triển trước mắt, cũng như đảm bảo phát triển trong tương lai, đảm bảo tính kinh tế theo từng giai đoạn của đồ án. Cụ thể như sau:

.Chuẩn bị kỹ thuật:

- Bao gồm quy hoạch san đắp nền (quy hoạch chiều cao) và quy hoạch hệ thống thoát nước mưa. Tính toán quy hoạch hệ thống thoát nước, chống ngập úng trên địa bàn thị trấn;

- Thiết kế quy hoạch san đắp nền và hệ thống thoát nước mưa phù hợp với quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt thị trấn;

- Xác định giải pháp thoát nước mặt trên toàn lưu vực thoát nước cũng như từng phân khu vực cụ thể nhằm đảm bảo tận dụng tối đa lợi thế địa hình để thu và thoát nước mặt về các hướng sông Chu;

- Xác định cao độ, vị trí từng tuyến thoát nước đảm bảo kết nối giữa hệ thống thoát nước hiện hữu, cải tạo nâng cấp và đầu tư mới đảm bảo không ngập cục bộ, thoát nước mặt tốt;

- Xác định cao độ xây dựng khống chế theo chức năng công trình tại từng khu vực đô thị. Đảm bảo công trình không ngập theo quy định và tối ưu hóa chi phí san lấp nền;

- Xác định cụ thể vị trí, khoảng cách, hướng tuyến, màu sắc đối với tuyến công thoát nước mưa theo quy định trong hạ tầng kỹ thuật dùng chung; Đề xuất danh mục, khái toán kinh phí, lộ trình, nguồn vốn và cơ chế thực hiện các dự án ưu tiên.

Giao thông đô thị:

Đánh giá hiện trạng hệ thống giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt năm 2018. Quy hoạch đầu nối hệ thống giao thông hợp lý trên cơ sở hệ thống giao thông các trục chính của đô thị. Thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01:2021/BXD; QCVN 07- 4: 2016/BXD và Tiêu chuẩn quy phạm đường đô thị.

Cấp điện, chiếu sáng:

Xác định nguồn điện, chỉ tiêu và dự kiến nhu cầu sử dụng điện, giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện. Xác định chỉ tiêu sử dụng điện chiếu sáng theo các nhóm công trình, tính toán nhu cầu sử dụng điện năng cho chiếu sáng, đề xuất các giải pháp cụ thể về nguồn, lưới điện, nguồn sáng, các giải pháp cụ thể về chiếu sáng cho các khu chức năng của khu quy hoạch.

Thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01:2021/BXD, QCVN 07-5: 2016/BXD, QCVN 07-7: 2016/BXD.

Cấp nước:

Quy hoạch hệ thống cấp nước đô thị hiện đại, an toàn và tiết kiệm. Đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành (QCXDVN 01:2021/BXD) và các quy định chuyên ngành. Dự báo nhu cầu dùng nước của đô thị gắn với các khu chức năng, đối tượng và lộ trình cấp nước. Đưa ra mô hình cấp nước và sử dụng nước thông minh, theo đúng mục đích dùng nước (nước uống, nước sinh hoạt, nước tưới cây và đường).

Xác định các giải pháp cấp nước bao gồm xác định nguồn cấp nước, nhà máy cấp nước, vị trí quy mô công trình đầu mối cấp nước. Xác định mạng lưới cấp nước sạch bao gồm cả phần cải tạo nâng cấp và đầu tư mới đảm bảo cấp nước sạch đến cho người dân trên toàn địa bàn theo chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Xác định khối lượng đầu tư, lộ trình ưu tiên thực hiện các dự án liên quan đến cấp nước bảo vệ nguồn nước thô và khái toán kinh phí.

Thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải bố trí riêng so với hệ thống thoát nước mưa, phải qua xử lý trước khi thoát ra kênh rạch, đề xuất giải pháp thiết kế mạng lưới thoát nước thải. Thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01:2021/BXD, QCVN 07-2: 2016/BXD.

Thông tin liên lạc:

Xác định quy mô, các trạm và các mạng truyền dẫn, di động và các công trình phụ trợ. Thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01:2021/BXD, QCVN 07-8: 2016/BXD.

Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, nhà tang lễ:

Xác định mô hình thu gom rác cho đô thị để tối ưu hiệu quả về: an toàn vệ sinh môi trường, an ninh, kinh tế, mỹ quan, bền vững. Gắn chuỗi trạm trung chuyển, mô hình thu gom, phân loại và xử lý rác thành chương trình cải thiện nhận thức của cư dân đô thị về chất thải rắn.

Xác định số lượng và quy mô, bố trí các nhà tang lễ phục vụ các nhu cầu về tang lễ trên địa bàn. Đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành cùng các vấn đề về văn hóa, xã hội khác.

Đề xuất danh mục, khái toán kinh phí, lộ trình, nguồn vốn và cơ chế thực hiện các dự án ưu tiên.

f. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược:

Nội dung và hồ sơ đánh giá môi trường chiến lược của đồ án quy hoạch phân khu thực hiện theo quy định trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

Đề ra các giải pháp kỹ thuật và giải pháp mềm giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn, đặc biệt là vấn đề phục hồi khối lượng và chất lượng nguồn nước mặt tự nhiên khi triển khai thực hiện Quy hoạch đô thị;

Xây dựng kế hoạch về bảo vệ đa dạng sinh học, tăng trưởng xanh, giảm phát thải, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch; Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy hoạch phân khu;

Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường cho các khu vực chức năng;

Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường đặc biệt đối với khu vực có sản xuất công nghiệp.

5.2.2 Các chỉ tiêu cơ bản áp dụng dự kiến

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án được lấy theo chỉ tiêu của đô thị loại IV. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt các tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

a) Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị trong đó: Đất đơn vị ở tối đa 55m²/người; Đất dân dụng bình quân tối đa 80m²/ người; Đất công trình công cộng cấp đô thị ≥ 4,0 m²/người; Đất cây xanh TDDT đô thị ≥ 9 m²/người; Đất giao thông ≥ 7 m²/người.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

TT	Loại hình	Đơn vị tính	Đô thị
1	Giao thông (Mật độ mạng lưới đường)	km/km ²	≥ 8 (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥ 7,5m)
	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	≥ 17
2	Cấp nước		
-	Nước sinh hoạt cho dân cư	l/người/ng.đ	≥ 100
-	Nước tưới cây rửa đường	% Qsh	≥ 8
-	Nước cho SX nhỏ, tiểu thủ CN	% Qsh	≥ 8
-	Nước công nghiệp tập trung	m ³ /ha-ngđ	≥ 20
-	Nước cho CTCC, dịch vụ	% Qsh	≥ 10
3	Cấp điện		
-	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	kwh/người.năm)	≥ 1000
-	Phụ tải điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30
-	Phụ tải điện công nghiệp	KW/ha	160 ÷ 350
-	Phụ tải điện kho tàng	KW/ha	50

TT	Loại hình	Đơn vị tính	Đô thị
4	Thoát nước thải	lít/người/ ng.đêm	80% -100% chỉ tiêu cấp nước
5	Thông tin liên lạc		
-	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao/100 dân	100
-	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	100
-	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	≥ 60
6	Vệ sinh môi trường		
-	Rác thải sinh hoạt	Kg/người/ngày	0,8 – 1,0
-	Rác thải công nghiệp	Tấn/ha	0,3
7	Nghĩa trang, nhà tang lễ		
-	Nghĩa trang	Ha/10000 dân	0,4
-	Quỹ đất dành cho 1 nhà tang lễ	m ²	≥ 10.000

(Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sẽ được xem xét cụ thể trong quá trình triển khai lập quy hoạch để phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển của từng khu vực phù hợp Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam).

c) Các chỉ tiêu hạ tầng xã hội: Tuân thủ kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCXDVN: 01/2021/BXD ngày 19/05/2021

d) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật” QCVN 07-4:2016/BXD Bộ Xây dựng ban hành.

VI. HỒ SƠ SẢN PHẨM

6.1 Phần hồ sơ bản vẽ

Stt	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng gồm: Vị trí, quy mô, ranh giới lập quy hoạch; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội, không gian phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật và môi trường trong quy hoạch tỉnh (quy hoạch chung thành phố trực thuộc Trung ương), quy hoạch huyện có ảnh hưởng tới đô	Theo tỷ lệ thích hợp

	thị được lập quy hoạch. Bản vẽ thể hiện theo tỷ lệ thích hợp trên nền bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn (hoặc Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn thành phố trực thuộc Trung ương đối với đô thị thuộc thành phố trực thuộc Trung ương) và sơ đồ định hướng phát triển không gian vùng liên huyện, vùng huyện (nếu có).	
2	Bản đồ hiện trạng: Hiện trạng các chức năng sử dụng đất theo quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này; kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước thải; quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và môi trường). Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.	1/5000
3	Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở các tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.	1/5000
4	Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (các sơ đồ phân tích hiện trạng và đề xuất các phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án). Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.	1/5000
5	Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị: Xác định khu chỉnh trang, cải tạo; khu phát triển mới, trong đó xác định phạm vi, quy mô của các đơn vị ở; khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện (nếu có); khu cần bảo tồn; khu cấm xây dựng; các khu dự trữ phát triển và khu vực an ninh quốc phòng; các trung tâm: hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, đào tạo, y tế công viên cây xanh cấp đô thị, cấp huyện và cấp tỉnh (nếu có). Xác định các trục không gian chính và không gian mở của đô thị. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.	
6	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch: Vị trí, quy mô của các chức năng sử dụng đất	1/5000

	theo quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này; xác định quy mô dân số và đất đai của từng khu vực chức năng của đô thị, chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu đất quy hoạch đô thị theo các giai đoạn phát triển. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.	
7	Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh (nếu có) trên địa bàn và nội dung quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP theo từng chuyên ngành gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông (đến cấp đường khu vực), hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất đô thị kết hợp bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.	1/5000
8	Các bản vẽ thiết kế đô thị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD .	Theo tỷ lệ thích hợp

6.2 Phần văn bản

1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh đề án quy hoạch chung có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan; - Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan;
2	- Quy định quản lý theo đề án quy hoạch chung đô thị: Nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và phải có bản vẽ thu nhỏ kèm theo;
3	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đề án quy hoạch. - Thẻ nhớ USB lưu toàn bộ thuyết minh và bản vẽ.

6.3. Số lượng, quy cách của sản phẩm hồ sơ đề án:

- Hồ sơ đề án **điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040** bao gồm: Thuyết minh và

phụ lục kèm theo, bản vẽ quy hoạch, quy định quản lý, đĩa CD chép toàn bộ hồ sơ quy hoạch.

- Số lượng: 09 bộ.

- Quy cách của hồ sơ đồ án: Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

6.4. Dự toán kinh phí lập quy hoạch

6.4.1 .Cơ sở tính toán

- Thông tư số 20/2019/TT -BXD, ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

-Quyết định số 5343/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Định Hóa về việc phê duyệt chi phí lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040

6.4.2 Chi phí lập điều chỉnh quy hoạch

Chi phí khảo sát địa hình, cắm mốc giới	3.073.665.870	đồng
Chi phí lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch	2.317.291.351	đồng
Chi phí khác	436.030.480	đồng
Chi phí dự phòng	173.012.299	đồng
Cộng giá trị dự toán	6.000.000.000	đồng

(Bằng chữ: Sáu tỷ đồng chẵn)

6.4.3 Nguồn vốn

- Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế huyện

6.5. Kế hoạch và tiến độ tổ chức lập quy hoạch:

6.5.1. Thời gian thực hiện đồ án:

- Bắt đầu thực hiện: Từ khi ký kết hợp đồng thiết kế lập quy hoạch.

+ Bước 1 – Lập nhiệm vụ quy hoạch

+ Bước 2 – Lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư; lấy ý kiến thống nhất các cơ quan quản lý quy hoạch cấp tỉnh về nội dung nhiệm vụ.

+ Bước 3 – Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch.

+ Bước 4 – Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch:

+ Bước 5 – Lập phương án và hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chung đô thị.

+ Bước 6 – Lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư; lấy ý kiến thống nhất các cơ quan quản lý quy hoạch cấp tỉnh về nội dung đồ án.

+ Bước 7 – Trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch:

- Kết thúc hợp đồng.

- Thời gian hoàn thành công tác lập đồ án: 270 ngày từ thời điểm hoàn thành công tác khảo sát đo đạc, lập bản đồ địa hình và ký kết hợp đồng (không kể thời gian chờ lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn, cộng đồng dân cư, tổ chức phản biện xã hội – nếu có, thời gian thẩm định, phê duyệt đồ án). Căn cứ theo Điều 2 Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, thời gian lập quy hoạch chung đô thị: đối với lập nhiệm vụ không quá 01 tháng và thời gian lập đồ án không quá 09 tháng.

6.5.2. Cấp xét duyệt và cơ quan thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan thống nhất: Bộ Xây dựng

- Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa ủy quyền Phòng kinh tế hạ tầng huyện Định Hóa

- Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng VN ASEAN

6.6 Các yêu cầu về nội dung, hình thức và đối tượng lấy ý kiến về đồ án quy hoạch.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Bảo Cường, thị trấn Chợ Chu có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư có liên quan trong quá trình lập đồ án quy hoạch chung đô thị.

Nội dung lấy ý kiến

Phạm vi ranh giới, diện tích lập quy hoạch

Tính chất, vai trò của đô thị

Các chỉ tiêu dự kiến

Các yêu cầu trong quá trình lập quy hoạch

Hình thức và đối tượng lấy ý kiến

- Trách nhiệm, hình thức lấy ý kiến về quy hoạch đô thị thực hiện theo Điều 20, Điều 21 Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 về Luật Quy hoạch đô thị;

+ Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

+ Ý kiến đóng góp phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm công bố, công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp.

+ Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 15 ngày đối với cơ quan, 30 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư..

PHỤ LỤC I – CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

PHỤ LỤC II
TỔNG HỢP PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ